

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN KIM THOA

**QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN KIM THOA

**QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật dân sự và tố tụng dân sự
Mã số: 60 38 01 03

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN THỊ QUẾ ANH

HÀ NỘI - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Kim Thoa

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Bảng chữ viết tắt	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TÁC GIẢ	
ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC	8
1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC	
PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT VÀ KHOA HỌC	8
1.1.1. Khái niệm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và	
khoa học	8
1.1.2. Các loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật được	
bảo hộ quyền tác giả.....	14
1.2. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC	
PHẨM KIẾN TRÚC	15
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc	15
1.2.2. Khái niệm và ý nghĩa của bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm	
kiến trúc.....	22
1.3. SƠ LƯỢC SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ	
QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC TỪ NĂM	
1945 ĐẾN NAY	23
1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1986	24
1.3.2. Giai đoạn từ năm 1986 đến năm 1995	24
1.3.3. Giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2005	26
1.3.4. Giai đoạn từ năm 2005 đến nay	28

1.4.	PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC	30
1.4.1.	Công ước Berne.....	30
1.4.2.	Hiệp định TRIPs.....	33
	Kết luận chương 1	35
	Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC	36
2.1.	CHỦ THỂ CỦA QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC.....	36
2.1.1.	Tác giả của tác phẩm kiến trúc.....	36
2.1.2.	Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.....	38
2.2.	NỘI DUNG QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC	40
2.2.1.	Quyền nhân thân	41
2.2.2.	Quyền tài sản.....	45
2.3.	ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC	50
2.3.1.	Tính tính sáng tạo của tác phẩm kiến trúc	51
2.3.2.	Tác phẩm được định hình dưới hình thức nhất định.....	51
2.4.	THỜI HẠN BẢO HỘ VÀ GIỚI HẠN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC	52
2.4.1.	Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.....	52
2.4.2.	Giới hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc	53
2.5.	CHUYỂN GIAO QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC.....	56
2.5.1.	Chuyển nhượng quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc	56
2.5.2.	Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc	59
2.6.	BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC	60

2.6.1. Xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc	60
2.6.2. Các biện pháp bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc	64
Kết luận chương 2	67
Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC	
GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC VÀ KIẾN NGHỊ	
3.1. THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ	
QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC	68
3.1.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định pháp luật	
Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.....	68
3.1.2. Những hạn chế bất cập trong việc thực hiện các quy định pháp luật	
Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.....	71
3.1.3. Nguyên nhân của những hạn chế , bất cập trong việc thực hiện	
các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối	
với tác phẩm kiến trúc.....	75
3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO	
HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	
VIỆT NAM VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM	
KIẾN TRÚC	85
3.2.1. Kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam	
về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc	85
3.2.2. Kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành các quy định	
của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.	89
Kết luận chương 3	96
KẾT LUẬN	98
TÀI LIỆU THAM KHẢO	100

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật dân sự
BLTTDS	Bộ luật Tố tụng dân sự
LSĐBSBLTTDS	Luật Sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự
LSHTT	Luật Sở hữu trí tuệ
LSĐBSLSHTT	Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ
Nghị định số 100/2006/NĐ-CP	Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của BLDS và LSHTT về quyền tác giả và quyền và quyền liên quan
Nghị định số 85/2011/NĐ-CP	Nghị định số 85/2011/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của BLDS và LSHTT về quyền tác giả và quyền và quyền liên quan

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghệ thuật kiến trúc với tư cách là một loại hình nghệ thuật tạo dựng không gian, môi trường sống cho con người, có tầm ảnh hưởng vô cùng to lớn đến môi trường sống của mỗi con người và sự phát triển kinh tế – xã hội. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề bảo hộ quyền tác giả nói chung và bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng luôn được coi trọng đặc biệt vì đây là động lực để thúc đẩy sự sáng tạo của con người, là nhân tố quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

Hiện nay pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam cũng đã ghi nhận và bảo hộ quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng trong nhiều văn bản pháp luật như Bộ luật dân sự (BLDS), Luật Sở hữu trí tuệ (LSHTT) v.v... Tuy nhiên, qua thực tiễn thực hiện cho thấy việc vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc vẫn còn diễn ra phổ biến. Tình trạng này diễn ra ngoài nguyên nhân ý thức chấp hành pháp luật của nhiều người chưa tốt còn do pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam còn thiếu các quy định cụ thể điều chỉnh quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc như đối với tác phẩm kiến trúc thì tỷ lệ chi tiết mới là bao nhiêu phần trăm trong tổng số các chi tiết cấu thành thì được bảo hộ bản quyền (trong tác phẩm kiến trúc có rất nhiều chi tiết đòi hỏi yếu tố sáng tạo bao gồm cả nội dung ngoại thất và các chi tiết kỹ thuật) tác phẩm kiến trúc được hình thành, sắp đặt các chi tiết cấu thành từ các tác phẩm kiến trúc khác như lan can, cầu thang, chi tiết hoa văn trang trí... thì có được coi là tác phẩm phái sinh hay không... Do vậy, việc hoàn thiện pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là vô cùng cần thiết nhằm góp phần thúc đẩy quá trình sáng tác, bảo đảm quyền lợi về sở hữu trí tuệ cho các tác giả chủ sở hữu loại hình tác phẩm đặc biệt này

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài : “*Quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc theo pháp luật Việt Nam*” nghiên cứu làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

So với các lĩnh vực khác, việc nghiên cứu các vấn đề về quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng ở nước ta có phần chậm được quan tâm hơn. Tuy vậy, trong thời gian qua cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học pháp lý đã được công bố nghiên cứu về quyền tác giả, trong đó có một số vấn đề liên quan đến quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Trong số các công trình nghiên cứu đó, có thể kể đến các công trình nghiên cứu tiêu biểu sau đây:

- Về luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và đề tài nghiên cứu khoa học có: *Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay*, luận văn thạc sĩ luật học, tác giả Hoàng Minh Thái, bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2001; *Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, luận văn thạc sĩ luật học, tác giả Quán Tuấn An, bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2009; *Quyền tác giả đối với tác phẩm viết trong pháp luật dân sự Việt Nam- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, luận văn thạc sĩ luật học, tác giả Trần Thị Thanh Bình, bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2005; *Quyền tác giả đối với tác phẩm sân khấu - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, luận văn thạc sĩ luật học, tác giả Phạm Thị Thương, bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2007; *Quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, luận văn thạc sĩ luật học, tác giả Nguyễn Thị Lê Thu, bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2012; *Thực hiện pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam hiện nay*, luận án tiến sĩ luật học, tác giả Đoàn Thanh Nô, bảo vệ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 2014; *Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, chủ nhiệm đề tài Vũ Thị Hải Yến, bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2010 v.v...

- Về giáo trình, sách chuyên khảo có: *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam* của Trường Đại học Luật Hà Nội, do Nhà xuất bản Công an nhân dân năm 2008; *Giáo trình Pháp luật sở hữu trí tuệ* của Trường Đại học Huế, do Nhà xuất bản Đại học Huế xuất bản năm 2011; *Giáo trình Pháp luật sở hữu trí tuệ* của Trường Đại học Ngoại thương, do Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2012; *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ* của Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, do Nhà xuất bản Hồng Đức và Hội Luật gia Việt Nam xuất bản năm 2012; *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ* của tác giả Lê Đình Nghị và Vũ Thị Hải Yến, do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xuất bản năm 2012; *Sách chuyên khảo Các yếu tố của quyền sở hữu trí tuệ* của tác giả Phùng Trung Tập do Nhà xuất bản Tư pháp xuất bản năm 2004; *Sách chuyên khảo Luật sở hữu trí tuệ - Ấn lệ, lý thuyết và bài tập vận dụng* của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh do Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2014 v.v...

- Về các bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành luật, hội thảo và website điện tử có: *Một số quy định về quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả trong Bộ luật dân sự và Luật sở hữu trí tuệ*, tác giả Hoàng Minh Thái, đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Viện Nhà nước và Pháp luật số 9/2006; *Khái quát về quyền tác giả và bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam*, tác giả Điêu Ngọc Tuấn, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 5/2004; *Bảo hộ quyền tác giả trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam*, tác giả Bùi Nguyên Hùng, đăng trên Tạp chí Quản lý nhà nước số 10/2013 của Học viện Hành chính Quốc gia; *Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh*, tác giả Trần Văn Hải, đăng trên Tạp chí Khoa học pháp lý số 4/2012 của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh; *Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian theo pháp luật Việt Nam*, tác giả Nguyễn Thi Triển, đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân số 11/2014; *Những quy định về bảo hộ quyền tác giả trong Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và thực thi tại Việt*

Nam, tác giả Hoàng Minh Thắng, đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 5/2002; *Thực trạng giải quyết tranh chấp về quyền tác giả tại Việt Nam giai đoạn 2006-2012 và một số đề xuất tiếp tục hoàn thiện pháp luật và thực thi về quyền sở hữu trí tuệ*, tác giả Nguyễn Hợp Toàn, Nguyễn Thị Thanh Thủy và Trần Văn Nam của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Tham luận tại Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần thứ IV ngày 26-28/11/2012 tại Hà Nội; *Bản quyền tác giả trong lĩnh vực mỹ thuật Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*, tác giả Trần Khánh Chương – Chủ tịch Hội Mỹ thuật Việt Nam đăng trên website điện tử của Hội Mỹ thuật Việt Nam v.v...

Các công trình nghiên cứu khoa học pháp lý nêu trên bước đầu đã đề cập, làm rõ được một số vấn đề liên quan đến quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với một số tác phẩm cụ thể, trong đó có một số vấn đề liên quan đến tác phẩm kiến trúc. Do đó, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện và có hệ thống các vấn đề về quyền tác giả tác phẩm kiến trúc. Tuy vậy, kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học pháp lý nêu trên vẫn là những tài liệu quan trọng để Học viên tham khảo hoàn thành việc nghiên cứu đề tài luận văn của mình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu đề tài là những vấn đề lý luận về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc và thực tiễn áp dụng các quy định này ở Việt Nam. Ngoài ra, việc nghiên cứu cũng được tiến hành đối với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia và pháp luật của một số nước về vấn đề này để so sánh, tham khảo.

Đề tài có nội dung nghiên cứu rất rộng. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của đề tài luận văn thạc sĩ việc nghiên cứu đề tài chỉ tập trung vào những vấn đề đã trình bày trong bản luận văn bao gồm: Những vấn lý luận cơ bản về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc như khái niệm quyền tác giả đối với tác

phẩm kiến trúc, nguyên tắc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc ; các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc và thực tiễn thực hiện ở Việt Nam trong những năm gần đây.

4. Mục đích và nhiệm vụ của việc nghiên cứu đề tài

Mục đích của nghiên cứu đề tài là làm rõ một số vấn đề lý luận quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc ; nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc và đánh giá đúng thực trạng của chúng; nhận diện được những hạn chế, bất cập, từ đó đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu trên, việc nghiên cứu đề tài có các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc; trong đó đưa ra các khái niệm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học – khoa học – nghệ thuật, khái niệm và đặc điểm của quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, khái niệm bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, ý nghĩa của bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc;

- Phân tích sơ lược sự phát triển của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc;

- Phân tích, đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc;

- Tìm hiểu một số quy định của pháp luật nước ngoài về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc để so sánh, tham khảo;

- Khảo sát việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc để tìm ra những hạn chế, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định này;

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc và đề xuất một số giải pháp

nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài

Việc nghiên cứu đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác Lê- nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật sở hữu trí tuệ nói riêng. Bên cạnh đó, quá trình nghiên cứu cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học truyền thống để giải quyết vấn đề thuộc phạm vi nghiên cứu đề tài như phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp mô tả, phương pháp so sánh...

6. Những điểm mới và đóng góp của luận văn

Những điểm mới và đóng góp của luận văn thể hiện ở những điểm sau:

- Xây dựng khái niệm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học – khoa học – nghệ thuật, khái niệm và đặc điểm của quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, khái niệm bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc;
- Nêu được ý nghĩa của bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc;
- Xác định được nội dung quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc;
- Phân tích được các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về thời hạn bảo hộ, giới hạn bảo hộ tác phẩm kiến trúc, chuyển giao quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc;
- Đánh giá được thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc và thực tiễn thực hiện;
- Nhận diện được những hạn chế, bất cập của các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc;
- Đề xuất được một số giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc và nâng cao

hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc trên thực tế.

Luận văn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo nghiên cứu cho việc giảng dạy, học tập ở đại học và sau đại học, cho việc xây dựng và thực thi pháp luật về lĩnh vực quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm ba chương:

- Chương 1.* Những vấn đề lý luận về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.
- Chương 2.* Thực trạng pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.
- Chương 3.* Thực tiễn áp dụng pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc và các kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT VÀ KHOA HỌC

1.1.1. Khái niệm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học

Trong pháp luật quốc tế, quyền tác giả đã được đề cập cách đây hàng trăm năm. Tuy nhiên, do điều kiện lịch sử, truyền thống văn hóa và điều kiện kinh tế - xã hội mà việc đề cập đến quyền tác giả giữa các nước khác nhau có những khác biệt nhất định. Ở các nước theo truyền thống pháp luật lục địa khi đề cập đến quyền tác giả (tiếng Pháp: *droit d'auteur*, tiếng Đức: *Urheberrecht*) thường nhấn mạnh đến khía cạnh nhân thân của quyền tác giả còn ở các nước thuộc hệ thống luật Anh - Mỹ thì lại nhấn mạnh quyền thương mại trong quyền tác giả (bản quyền - *copyright*).

Ở Việt Nam, quyền tác giả cũng đã được định nghĩa ở nhiều công trình nghiên cứu khoa học pháp lý khác nhau đã được công bố và cả trong các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành. Về cơ bản, các định nghĩa này đều có sự tương đồng nhưng cũng có những sự khác biệt nhất định.

Theo Giáo trình Pháp luật sở hữu trí tuệ của Đại học Huế, do Nhà xuất bản Đại học Huế xuất bản năm 2011 thì “*quyền tác giả*” theo tiếng Anh thực chất là quyền sao chép vì từ “*copyright*” được ghép từ “*copy*” (sao chép) và “*right*” (quyền); “*quyền của tác giả trước hết là quyền tinh thần đối với những tài sản trí tuệ do mình sáng tạo ra, sau đó mới là quyền kinh tế*” [40, tr.19]. Ở đây, bước đầu giáo trình đã chỉ ra quyền tác giả bao gồm quyền tinh thần và quyền kinh tế của tác giả đối với tài sản trí tuệ do mình tạo ra; trong đó, quyền

tinh thần là cơ bản sau đó với đến quyền về kinh tế. Tuy nhiên, định nghĩa này còn quá giản lược.

Theo Từ điển Luật học của Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, do Nhà xuất bản Tư pháp xuất bản năm 2005 thì quyền tác giả là:

1. Tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh từ việc cá nhân sáng tạo ra tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật (theo nghĩa khách quan).

2. Quyền của tác giả đã trực tiếp sáng tạo ra một phần tác phẩm hoặc toàn bộ tác phẩm (theo nghĩa chủ quan), bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản gắn liền với các quyền nhân thân đó.

3. Quan hệ dân sự bao gồm chủ thể, khách thể, nội dung liên quan đến việc sáng tạo, sử dụng tác phẩm [36, tr.655].

Tại đây, Từ điển đã đưa ra ba cách hiểu về quyền tác giả. Khái niệm quyền tác giả tại đây đã có sự mở rộng hơn so với khái niệm trên với việc bổ sung thêm nội dung quyền tác giả (bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản) và nhìn nhận được quyền tác giả dưới góc độ lý luận là một quan hệ dân sự chịu sự điều chỉnh của pháp luật dân sự với đầy đủ các cấu thành: chủ thể, khách thể, nội dung liên quan đến việc sáng tạo, sử dụng tác phẩm. Tuy nhiên, khái niệm này cũng chưa làm rõ được tác giả có quyền đối với những loại tác phẩm thuộc những lĩnh vực nào. Bên cạnh đó, giải thích thứ hai của khái niệm “*Quyền của tác giả đã trực tiếp sáng tạo ra một phần tác phẩm hoặc toàn bộ tác phẩm (theo nghĩa chủ quan), bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản gắn liền với các quyền nhân thân đó*” cũng còn hạn chế đáng kể khi chưa tính đến các chủ thể khác ngoài tác giả - người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm.

Theo giáo trình Luật sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thì quyền tác giả hiểu theo cách đơn giản là “*quyền cho phép tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả được độc quyền khai thác tác phẩm, chống lại việc sao chép bất hợp pháp*” [43, tr.46]. Theo tác giả thì khái niệm

này còn khá đơn giản, vô hình chung đã thu hẹp phạm vi bảo hộ của quyền tác giả khi chỉ nêu được quyền sao chép là một trong số những quyền mà tác giả, chủ sở hữu tác phẩm được bảo hộ.

Theo Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Hà Nội do Nhà xuất bản Công an nhân dân xuất bản năm 2008, thì quyền tác giả được hiểu theo hai phương diện sau đây:

Về phương diện khách quan: Quyền tác giả là tổng hợp các quy phạm pháp luật về quyền tác giả nhằm xác nhận và bảo vệ quyền của tác giả, của chủ sở hữu quyền tác giả, xác định các nghĩa vụ của các chủ thể trong việc sáng tạo và sử dụng các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học. Quy định trình tự thực hiện và bảo vệ các quyền đó khi có hành vi xâm phạm. Về phương diện chủ quan: Quyền tác giả là quyền dân sự cụ thể (quyền tài sản và quyền nhân thân) của chủ thể với tư cách là tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, công trình khoa học và quyền khởi kiện hay không khởi kiện khi quyền của mình bị xâm phạm [41, tr.33, 34].

Ngoài ra, theo Giáo trình này thì:

Quyền tác giả còn được hiểu là quan hệ pháp luật dân sự - quan hệ xã hội giữa tác giả, giữa chủ sở hữu quyền tác giả và các chủ thể khác trong xã hội thông qua tác phẩm, dưới sự tác động của quy phạm pháp luật, quan hệ giữa các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả với các chủ thể khác được xác định [41].

Có thể thấy rằng, định nghĩa quyền tác giả của Giáo trình này về cơ bản đã bao quát khá đầy đủ các phương diện của quyền tác giả, làm rõ được các tiêu chí xác định chủ thể có quyền tác giả cũng như các nhóm quyền cụ thể mà tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả được bảo hộ. Định nghĩa quyền tác giả

nêu trên cũng đưa ra được cái nhìn tổng thể về mối quan hệ giữa các chủ thể có liên quan đến quyền tác giả. Tuy nhiên, việc đưa ra nhiều định nghĩa về quyền tác giả như trên là chưa thực sự rõ ràng và gây khó khăn cho người đọc trong việc theo dõi các định nghĩa này. Việc bổ sung thêm nội dung “*quyền khởi kiện hay không khởi kiện khi quyền của mình bị xâm phạm*” vào khái niệm quyền tác giả cũng không thực sự cần thiết và chưa đầy đủ vì: (i) quyền này là một quyền cơ bản được bảo hộ theo pháp luật về quyền tác giả nên chủ thể của quyền tác giả đương nhiên có quyền này; (ii) khi quyền tác giả bị xâm phạm thì ngoài việc lựa chọn khởi kiện hay không khởi kiện, chủ thể quyền tác giả có thể lựa chọn biện pháp dân sự hoặc biện pháp hành chính để bảo vệ quyền của mình.

Tương tự Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình pháp luật sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội do Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2012 cũng tiếp cận khái niệm quyền tác giả theo hai nghĩa sau:

Thứ nhất, quyền tác giả là tổng hợp các quy phạm pháp luật quy định về quyền của người đã trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học được hưởng các quyền nhân thân và các quyền tài sản do có kết quả sáng tạo đó và quyền tự ngăn chặn hoặc yêu cầu Tòa án bảo vệ khi có các hành vi xâm phạm đến quyền tác giả. Thứ hai, quyền tác giả hiểu theo nghĩa chủ quan là quyền dân sự cụ thể của người với tư cách là tác giả của tác phẩm, công trình thuộc lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học có quyền chiếm hữu, sử dụng tác phẩm theo ý chí của mình trong phạm vi luật định và quyền khởi kiện dân sự hay không khởi kiện dân sự khi có hành vi xâm phạm quyền tác giả [44, tr.23].

Theo định nghĩa nêu trên thì quyền tác giả mới được nhìn nhận dưới

góc độ là tổng hợp các quy phạm pháp luật về quyền của tác giả - người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm (theo nghĩa khách quan) và quyền dân sự cụ thể của tác giả (theo nghĩa chủ quan). Trong khi đó, chủ thể của quyền tác giả không chỉ bao gồm tác giả - người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm mà còn bao gồm chủ sở hữu quyền tác giả - người không trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm nhưng nắm giữ quyền tác giả theo quy định của pháp luật hoặc được chuyển giao qua hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả hoặc do được thừa kế. Như vậy, định nghĩa “*quyền tác giả*” của Giáo trình pháp luật sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội đã liệt kê thiếu một chủ thể quan trọng của quyền tác giả là chủ sở hữu tác phẩm. Bên cạnh đó, định nghĩa “*quyền tác giả*” theo nghĩa chủ quan mới chỉ liệt kê các quyền *chiếm hữu, sử dụng tác phẩm* của tác giả nhưng đối với quyền chiếm hữu tác phẩm không được đặt ra đối với các tài sản sở hữu trí tuệ. Mặt khác, định nghĩa này cũng thiếu sót một quyền quan trọng là quyền *định đoạt tác phẩm* (cụ thể là quyền chuyển nhượng tác phẩm cho người khác, quyền để lại thừa kế tác phẩm). Việc bổ sung thêm nội dung “*quyền khởi kiện hay không khởi kiện khi quyền của mình bị xâm phạm*” vào khái niệm quyền tác giả (theo nghĩa chủ quan) cũng không thực sự cần thiết và chưa đầy đủ vì lý do đã phân tích ở trên.

Trong pháp luật Việt Nam, khái niệm quyền tác giả trước đây cũng đã được ghi nhận tại Điều 2 Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả năm 1994 (PLBHQTG) như sau: “*Quyền tác giả là các quyền về tinh thần và vật chất của tác giả*” [48]. Khái niệm này đã có thành công trong việc bao quát được hai nhóm quyền mà tác giả được bảo hộ là: (i) các quyền về tinh thần và (ii) các quyền về vật chất. Tuy nhiên, khái niệm này chưa làm rõ được chủ thể nào với những tiêu chí, điều kiện nào sẽ được ghi nhận và bảo hộ với tư cách là tác giả của tác phẩm.

Quyền tác giả theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung

một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (LSĐBSLSTT) là “*quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu*”. Khái niệm này về cơ bản đã thành công trong việc đưa ra được tiêu chí rõ ràng để xác định chủ thể có quyền tác giả là chủ thể đó (i) phải trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm hoặc (ii) có quyền sở hữu đối với tác phẩm. Tuy nhiên, khái niệm này vẫn còn hạn chế là chưa làm rõ được tác giả có những quyền gì đối với tác phẩm.

Qua nghiên cứu cho thấy, chủ thể của quyền tác giả là các tổ chức, cá nhân trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm, các tổ chức, cá nhân đầu tư của cải, vật chất vào quá trình sáng tạo ra tác phẩm hoặc các tổ chức, cá nhân được chuyển giao quyền tác giả thông qua hợp đồng chuyển giao quyền tác giả hay qua thừa kế; tác phẩm được bảo hộ không phụ thuộc vào hình thức hiện, trình độ sáng tạo, không phân biệt nội dung và giá trị miễn là đáp ứng được các điều kiện do pháp luật quy định; nội dung của quyền tác giả bao gồm các quyền nhân thân của tác giả đối với tác phẩm và các quyền tài sản gắn liền với các quyền nhân thân đó. Từ những phân tích nêu trên, có thể rút ra khái niệm “*quyền tác giả*” như sau: “*Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình trực tiếp sáng tạo ra, hoặc đầu tư của cải, vật chất vào quá trình sáng tạo ra tác phẩm hoặc được chuyển giao quyền tác giả thông qua hợp đồng chuyển giao quyền tác giả hay thừa kế, được pháp luật bảo hộ không phụ thuộc vào hình thức thể hiện, trình độ sáng tạo, không phân biệt nội dung và giá trị, bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản gắn liền với các quyền nhân thân đó*”.

Như vậy, đối với tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật thì “*Quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật do mình trực tiếp sáng tạo ra hoặc đầu tư của cải, vật chất vào quá trình sáng tạo ra tác phẩm hoặc được chuyển giao quyền tác giả thông qua hợp đồng chuyển giao*

quyền tác giả hay thừa kế, được pháp luật bảo hộ không phụ thuộc vào hình thức thể hiện, trình độ sáng tạo, không phân biệt nội dung và giá trị, bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản gắn liền với các quyền nhân thân đó”.

1.1.2. Các loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật được bảo hộ quyền tác giả

Tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật là thành quả lao động sáng tạo của tác giả được thể hiện dưới một hình thức nhất định. Các loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật được bảo hộ quyền tác giả phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác. Tác phẩm phái sinh chỉ được bảo hộ nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh. Các loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật được bảo hộ quyền tác giả có nhiều loại, bao gồm: Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác; bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác; tác phẩm báo chí; tác phẩm âm nhạc; tác phẩm sân khấu; tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự; tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng; tác phẩm nhiếp ảnh; tác phẩm kiến trúc; bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học; tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian; chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.

Việc xác định rõ các loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật được bảo hộ quyền tác giả cũng như các quyền cụ thể của chủ thể quyền sở hữu là cơ sở để xây dựng pháp luật bảo hộ quyền tác giả ở mỗi quốc gia cũng như ở phạm vi quốc tế. Ở các quốc gia pháp luật bảo hộ quyền tác giả đối với các loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật có sự khác biệt. Tuy nhiên, trong xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng có nhiều nước tham gia các công ước về quyền tác giả thì sự khác biệt giữa pháp luật bảo hộ

quyền tác giả của các nước đối với các loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật cũng ngày một hạn chế. Ở Việt Nam, kể từ năm 2005 đến nay pháp luật bảo hộ quyền tác giả đối với các loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật ngày càng được hoàn thiện và phù hợp hơn với pháp luật quốc tế về vấn đề này.

1.2. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

Như đã nêu trên, tác phẩm kiến trúc là một loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật được bảo hộ quyền tác giả theo pháp luật về quyền tác giả.

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

1.2.1.1. Khái niệm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

"*Kiến trúc*" theo Từ điển thefreedictionary được hiểu là (i) nghệ thuật và khoa học về tổ chức sắp xếp không gian tòa nhà và các cấu trúc tương tự; (ii) kiểu dáng tòa nhà hay cấu trúc tương tự [63]. Theo Từ điển tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học do Nhà xuất bản Từ điển bách khoa xuất bản năm 2011 thì "*kiến trúc*" là (i) nghệ thuật thiết kế, trang trí nhà cửa, (ii) toàn bộ nói chung những quan hệ bên trong giữa các thành phần tạo nên một chỉnh thể [52, tr.678] còn "*tác phẩm*" được hiểu là công trình do nhà văn hóa, nghệ thuật hoặc khoa học sáng tạo ra [52, tr.1130]. Theo sách Kiến trúc công trình của Kiến trúc sư Nguyễn Tài My (NXB. Xây dựng, 2011) thì "*kiến trúc*" là:

(i) hoạt động sáng tạo chủ yếu, nhằm phục vụ những vấn đề dân sinh tất yếu như: ăn, ở, làm việc, đi lại; (ii) nghệ thuật xây dựng nhà ở, dinh thự, cung điện, tàu thủy, ô tô, xe lửa, máy bay, trang thiết bị của gia đình, mậu dịch, kỹ nghệ, nghệ thuật ấn loát sách báo, tạp chí; (iii) thế giới vật chất bao quanh con người, giải quyết những vấn đề toàn cầu và sáng tạo thế giới lý tưởng cho con người;

(iv) một thực thể nghệ thuật, được hình thành thông qua một trình tự lao động của con người: quy hoạch, thiết kế, thi công; (v) tên gọi chung của nhà ở, nhà công cộng, nhà công nghiệp [16].

Việc giải thích khái niệm “*kiến trúc*” như trên đã cho người đọc hình dung được phần nào về kiến trúc, nghệ thuật kiến trúc. Để có bức tranh toàn diện hơn về lĩnh vực còn xa lạ với những người ngoài ngành kiến trúc, GS.TS.KTS. Nguyễn Đức Thiềm đã cụ thể hóa hơn nữa khái niệm này như sau:

Kiến trúc là khoa học cũng là nghệ thuật xây dựng và trang hoàng nhà cửa công trình, tức tổ chức không gian sống. Kiến trúc được xem là một lĩnh vực hoạt động sáng tạo chủ yếu của con người từ khi có xã hội loài người..., nhằm cải tạo thiên nhiên hoặc kiến tạo đổi mới môi trường sống, phục vụ tốt các quá trình hoạt động của con người và xã hội. Mục đích của kiến trúc chính là kiến tạo một “thiên nhiên thứ hai” có tổ chức bên cạnh “thiên nhiên thứ nhất” hoang dã và tự nhiên, nhưng chỉ được công nhận là kiến trúc các “không gian – hình khối” có tác động của bàn tay con người, nhằm thỏa mãn các mục đích vừa vật chất vừa tinh thần, nghĩa là phải có mục đích thực dụng, trên nguyên tắc hợp lý khoa học và tinh thần của cái đẹp, phù hợp quy luật sáng tạo thẩm mỹ [31, tr.5].

Theo giáo trình Luật sở hữu trí tuệ của Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thì “*Tác phẩm là một tài sản vô hình*” và là “*thành quả lao động sáng tạo của tác giả*” [43, tr.47]. Khái niệm “*Tác phẩm*” được ghi nhận tại khoản 7 Điều 4 LSHTT Việt Nam là “*các sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương thức hay hình thức nào*” [22].

Tác phẩm kiến trúc là một loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật được bảo hộ quyền tác giả theo pháp luật về quyền tác giả. Thuật

ngữ “*tác phẩm kiến trúc*” mới chỉ xuất hiện từ khi pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc ra đời.

Trong lĩnh vực kiến trúc, có tác giả đưa ra định nghĩa về “*tác phẩm kiến trúc*” như sau:

Tác phẩm kiến trúc không chỉ hiểu là một ngôi nhà, một công trình đơn lẻ mà còn có thể là một tập hợp nhiều công trình, một tổng thể, một quần thể gồm có nhiều dạng hình khối và không gian nội, ngoại thất (không gian trong nhà và không gian ngoài nhà), như kiến trúc một khu phố, một quảng trường, một công viên, một thị trấn hay cả một đô thị [37, tr.5].

Theo quy định tại Điều 102 (a) Luật quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc năm 1990 của Hoa Kỳ, tác phẩm kiến trúc bao gồm “*kiểu dáng tòa nhà được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả tòa nhà, bản vẽ kiến trúc hay thiết kế*”. Tác phẩm kiến trúc được bảo hộ theo luật bản quyền Hoa Kỳ bao gồm cả các tòa nhà đã được xây dựng. Tuy nhiên, không phải mọi chi tiết trong tòa nhà đều được bảo hộ dưới dạng quyền tác giả, mà chỉ những chi tiết mang tính nguyên gốc mới được bảo hộ.

Theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành thì “*tác phẩm kiến trúc*” là các bản vẽ thiết kế dưới bất kỳ hình thức nào thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình xây dựng, quy hoạch không gian (quy hoạch xây dựng) đã hoặc chưa xây dựng. Theo đó, “*Tác phẩm kiến trúc*” bao gồm: (i) các bản vẽ thiết kế về mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh, thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình, tổ hợp công trình kiến trúc, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan của một vùng, một đô thị, hệ thống đô thị, khu chức năng đô thị, khu dân cư nông thôn; (ii) mô hình, sa bàn về ngôi nhà, công trình xây dựng hoặc quy hoạch không gian (Điều 17 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của BLDS, LSHTT về quyền tác giả và quyền liên quan).

Tác phẩm kiến trúc là một loại hình cụ thể của tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật, vì vậy cũng có những đặc điểm của tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật như là những sáng tạo, được thể hiện dưới hình thức nhất định v.v... Ngoài ra, tác phẩm kiến trúc còn có những đặc điểm riêng sau đây:

Thứ nhất, tác phẩm kiến trúc có tính đa dạng. Căn cứ theo chức năng của công trình, tác phẩm kiến trúc có thể thể hiện thiết kế của nhà ở, nhà ăn, nhà ga, khách sạn, trường học, công trình cấp thoát nước đô thị, cầu cống, nhà máy điện, công trình công cộng khác,...

Thứ hai, tác phẩm kiến trúc vừa có giá trị vật chất, vừa có giá trị văn hóa, tinh thần. Tác phẩm kiến trúc không chỉ được dùng để xây dựng nên những công trình phục vụ mục đích ở, sinh hoạt, làm việc của con người mà còn góp phần mang lại những giá trị tinh thần cho con người thông qua hình tượng nghệ thuật của tác phẩm. Tác phẩm kiến trúc có thể tạo cho con người cảm giác trang nghiêm, đồ sộ, vĩ đại,... hoặc toát ra tính phóng khoáng, nhẹ nhàng, sinh động, vui tươi. Tùy theo điều kiện và tính chất xây dựng, mỗi tác phẩm kiến trúc có thể thông qua hình tượng nghệ thuật để cải tạo và nâng cao giá trị sống của con người, gợi những tình cảm nồng nàn, tạo cảm giác hài hòa với thiên nhiên (đối với các công trình kiến trúc xanh).

Thứ ba, tác phẩm kiến trúc có thể thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau. Tác phẩm kiến trúc có thể thể hiện dưới các dạng hình thức vật chất khác nhau như bản vẽ thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế thi công, bản vẽ thiết kế kỹ thuật, mô hình, sa bàn.

Quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Tác phẩm kiến trúc là một loại hình của tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật. Từ đó có thể rút ra kết luận như sau: *“Quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là quyền của tổ chức, cá nhân đối với bản vẽ thiết kế, mô hình, sa*

bản vẽ ngôi nhà, công trình xây dựng hoặc quy hoạch không gian do mình trực tiếp sáng tạo ra hoặc đầu tư của cải, vật chất vào quá trình sáng tạo ra hoặc được chuyển giao quyền tác giả thông qua hợp đồng chuyển giao quyền tác giả hay thừa kế, được pháp luật bảo hộ không phụ thuộc vào hình thức thể hiện, trình độ sáng tạo, không phân biệt nội dung và giá trị, bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản gắn liền với các quyền nhân thân đó”.

1.2.1.2. Đặc điểm của quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là một dạng của quyền sở hữu trí tuệ nên chúng cũng có các đặc điểm chung của quyền sở hữu trí tuệ như tính vô hình của các đối tượng bảo hộ, tính giới hạn về thời gian bảo hộ và không gian bảo hộ; v.v... Ngoài ra, tác phẩm kiến trúc còn là một loại hình tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật được pháp luật bảo hộ nên quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cũng có các đặc điểm của quyền tác giả, bao gồm:

Thứ nhất, việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc thực chất là việc bảo hộ hình thức thể hiện tác phẩm kiến trúc.

Những ý tưởng, cách sắp xếp, trình bày tác phẩm kiến trúc có trong suy nghĩ của tác giả nếu chưa được thể hiện ra bên ngoài bằng một hình thức nhất định thì không được pháp luật công nhận và bảo hộ. Pháp luật bảo hộ quyền tác giả khi ý tưởng, cách sắp xếp, trình bày này đã thể hiện ra bên ngoài dưới một hình thức nhất định như bản vẽ thiết kế về ngôi nhà, công trình, tổ hợp công trình kiến trúc, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan của một vùng, một đô thị, hệ thống đô thị, khu chức năng đô thị, khu dân cư nông thôn hay mô hình, sa bàn về ngôi nhà, công trình xây dựng hoặc quy hoạch không gian.

Thứ hai, đối tượng của quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc được bảo hộ không phân biệt nội dung, giá trị.

Đối tượng của quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là các tác phẩm

kiến trúc. Tác phẩm kiến trúc là thành quả lao động sáng tạo của tác giả được thể hiện dưới một hình thức nhất định, không phụ thuộc vào hình thức thể hiện, trình độ sáng tạo, không phân biệt nội dung và giá trị, một tác phẩm được bảo hộ nếu tác phẩm đó được thể hiện dưới dạng vật chất nhất định. Các tác phẩm kiến trúc tuy có cùng nội dung nhưng có sự sáng tạo trong hình thức thể hiện đều được hưởng sự bảo hộ pháp lý.

Thứ ba, quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc được xác lập theo cơ chế bảo hộ tự động.

Giống như quyền tác giả đối với các loại tác phẩm khác, quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc được phát sinh một cách mặc nhiên và nó được thiết lập từ thời điểm tác phẩm đó được thể hiện dưới một hình thức nhất định không phụ thuộc vào một thể thức, thủ tục đăng ký. Việc đăng ký quyền tác giả không phải là căn cứ làm phát sinh quyền tác giả, mà chỉ có giá trị chứng cứ chứng minh cho quyền lợi của đương sự khi có tranh chấp về quyền tác giả và một bên khởi kiện tại Toà án nhân dân hoặc yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

Thứ tư, quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc không được bảo hộ một cách tuyệt đối.

Đối với các tác phẩm đã được công bố, phổ biến và tác phẩm không bị cấm sao chụp thì cá nhân, tổ chức được phép sử dụng tác phẩm của người khác nếu việc sử dụng đó không nhằm mục đích kinh doanh, không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng khai thác bình thường của tác phẩm, không xâm hại đến các quyền lợi khác của tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả.

Ví dụ: Tổ chức, cá nhân có thể khai thác, sử dụng tác phẩm kiến trúc đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền trong trường hợp chụp ảnh, truyền hình tác phẩm kiến trúc được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó. Hành vi này sẽ không bị coi là hành vi xâm phạm quyền của tác giả.

Thứ năm, quyền nhân thân thuộc quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc không thể chuyển giao cho người khác.

Quyền nhân thân thuộc quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cũng gắn liền với mỗi tác giả nên không thể chuyển giao cho người khác, trừ quyền công bố tác phẩm.

Thứ sáu, quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc được bảo hộ theo lãnh thổ

Quyền tác giả được bảo hộ theo pháp luật quốc gia, nơi tác phẩm được công bố lần đầu tiên hoặc đăng ký bảo hộ. Đối với tác phẩm của công dân Việt Nam được bảo hộ trên lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại các quốc gia tham gia điều ước quốc tế về bảo hộ quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên (ví dụ: Công ước Berne, Hiệp định TRIPs,...).

Ngoài những đặc điểm chung của quyền tác giả thì quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc còn có những đặc điểm riêng sau đây:

Thứ nhất, so với các loại hình tác phẩm khác thì việc sử dụng tự do, tức việc khai thác, sử dụng tác phẩm kiến trúc đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền trong một số trường hợp bị hạn chế hơn. Cụ thể là, việc sao chép 01 bản tác phẩm kiến trúc nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân, sao chép tác phẩm kiến trúc để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu không thuộc trường hợp được sửa dụng mà không phải xin phép, không phải trả tiền.

Thứ hai, quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc còn có đặc điểm là dễ bị xâm phạm. Tác phẩm kiến trúc không những rất khó sáng tạo ra mà thường được sử dụng để xây dựng các công trình nên là tài sản rất có giá trị. Trên thị trường thông thường giá trị của mỗi tác phẩm kiến trúc bằng từ 1% đến 2% giá trị của cả công trình xây dựng. Vì vậy, để tiết kiệm chi cho xây dựng xây dựng nhiều người thường sử dụng, sao chụp để sử dụng các tác phẩm kiến

trúc của người khác. Hơn nữa, trong điều kiện công nghệ ngày nay thì vấn đề sao chụp để khai thác, sử dụng còn qua dễ dàng và tác giả, chủ sở hữu tác phẩm còn rất khó kiểm soát.

1.2.2. Khái niệm và ý nghĩa của bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

1.2.2.1. Khái niệm bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Bảo hộ được hiểu theo nghĩa chung là sự che chở. Vì vậy, bảo hộ quyền tác giả chính là sự "che chở" của Nhà nước đảm bảo cho các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm khỏi sự xâm phạm của người khác. Để bảo hộ quyền tác giả, Nhà nước phải thông qua các quy định pháp luật để xác định các quyền của các chủ thể đối với tác phẩm, xác định các hành vi bị coi là xâm phạm quyền tác giả, đồng thời quy định các phương thức bảo vệ quyền tác giả khi có các hành vi xâm phạm đó [47; tr.113].

Như vậy, có thể thấy rằng, bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là sự quy định của Nhà nước thông qua các văn bản pháp luật để xác định cá nhân, tổ chức là tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, xác định các quyền của các chủ thể đó đối với tác phẩm kiến trúc, xác định các hành vi bị coi là xâm phạm quyền tác giả và quy định các biện pháp được thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.

1.2.2.2. Ý nghĩa của việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật nói chung và bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng có ý nghĩa vô cùng quan trọng, cụ thể là:

Thứ nhất, việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc sẽ góp phần khuyến khích sự sáng tạo của cá nhân trong việc tạo ra thêm nhiều tác phẩm kiến trúc có giá trị.

Việc cho phép khai thác quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc dưới góc độ quyền tài sản sẽ tạo cơ hội cho cá nhân có thu nhập cao từ việc khai

thác lợi ích kinh tế của quyền tác giả, qua đó, động viên, khuyến khích cá nhân, tổ chức đầu tư trí tuệ, vật chất tiếp tục nghiên cứu, tạo ra nhiều tác phẩm có giá trị, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

Thứ hai, việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc góp phần góp phần phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế của đất nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên thế giới.

Trong lĩnh vực quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, các doanh nghiệp Việt Nam không ngừng đầu tư công nghệ, vật chất để tạo ra những sản phẩm có giá trị nghệ thuật, giá trị kinh tế, giá trị sử dụng cao, nâng cao uy tín, khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Việc làm này cũng góp phần phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế của đất nước.

Nền khoa học công nghệ của một quốc gia phát triển dựa trên nền tảng nghiên cứu khoa học của các cá nhân là những nhà khoa học uy tín trong nước hoặc trên thế giới. Các thành tựu khoa học của cá nhân, tập thể được Nhà nước công nhận thể hiện trình độ phát triển khoa học công nghệ của quốc gia trong lĩnh vực khoa học đó. Các công trình khoa học là sản phẩm trí tuệ của cá nhân đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển khoa học, công nghệ và kinh tế của đất nước. Khoa học công nghệ phát triển sẽ tạo động lực cho các ngành kinh tế phát triển. Các sản phẩm trí tuệ của các ngành khoa học tự nhiên được ứng dụng trong sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế [50, tr.12].

1.3. SƠ LƯỢC SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Do hoàn cảnh lịch sử của Việt Nam có những đặc thù so với các quốc gia khác như thời gian chiến tranh kéo dài, trình độ khoa học công nghệ của Việt Nam còn hạn chế nên pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam ra đời và phát triển chậm hơn các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới. Căn cứ

vào các văn bản pháp luật quy định về quyền sở hữu trí tuệ được ban hành qua các thời kỳ có thể chia quá trình phát triển của pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc qua các giai đoạn sau đây:

1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1986

Ở giai đoạn này, các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền sở hữu trí tuệ chưa phát triển, trong đó có các quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Các văn bản pháp luật quy định về quyền sở hữu trí tuệ được ban hành có hiệu lực cao nhất là Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ như Nghị quyết 25/CP ngày 24/2/1961 của Hội đồng Chính phủ về chế độ nhuận bút và Nghị quyết 168/CP ngày 7/12/1967 của Hội đồng Chính phủ về việc trả tiền nhuận bút; Nghị quyết 125/CP ngày 25/5/1974 của Hội đồng Chính phủ về chế độ nhuận bút đối với tác phẩm văn học nghệ thuật – khoa học – kỹ thuật. Mặt khác, các văn bản pháp luật quy định về quyền sở hữu trí tuệ được ban hành trong giai đoạn này mới quy định về quyền nhuận bút nên khi nói đến quyền tác giả người ta chỉ biết đến nhuận bút. Tác giả không có quyền gì khác đối với tác phẩm ngoài quyền được hưởng nhuận bút.

1.3.2. Giai đoạn từ năm 1986 đến năm 1995

Đây là giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước quan tâm đến sự phát triển khoa học, công nghệ, lấy khoa học công nghệ là động lực để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng. Nhà nước tạo mọi điều kiện về vật chất và tinh thần để cá nhân phát huy tối đa khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ để sáng tạo ra những công trình khoa học có giá trị khoa học và kinh tế cao.

Ngày 14/7/1986, với việc ban hành Nghị định 142/CP của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định về quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật, công trình khoa học kỹ thuật, lần đầu tiên ở Việt Nam một văn bản riêng biệt về quyền tác giả đã được ban hành với những quy định cơ

bản, ban đầu với sự giúp đỡ của Hãng VAB (Hãng bảo hộ quyền tác giả của Liên Xô cũ). Nghị định 142/HĐBT tuy chỉ gồm 8 Điều nhưng đã quy định khá đầy đủ về quyền tác giả. Nghị định đã quy định về tác giả, về tác phẩm được bảo hộ, xác định các quyền và nghĩa vụ của tác giả và người sử dụng tác phẩm, xác định việc công bố và sử dụng tác phẩm, thời hạn hưởng quyền tác giả, quản lý Nhà nước về bảo hộ quyền tác giả. Nghị định không quy định trực tiếp về chủ sở hữu tác phẩm, tuy nhiên, qua những quy định về quyền tác giả có quyền hưởng nhuận bút (khoản 1 Điều 3) do người sử dụng tác phẩm trả cho thấy chủ sở hữu tác phẩm đã được quy định một cách gián tiếp. Ngoài ra, Nghị định còn quy định về những trường hợp sử dụng tác phẩm không phải xin phép và không phải trả tiền nhuận bút cho tác giả. Vì vậy, Nghị định 142/CP được coi là văn bản quan trọng của pháp luật về quyền tác giả ở Việt Nam trong giai đoạn này. Bên cạnh Nghị định 142/CP, Nhà nước còn có các văn bản pháp luật quan trọng sau đây quy định về quyền tác giả như Nghị định 59/CP ngày 5/5/1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về chế độ nhuận bút đối với tác phẩm chính trị – xã hội, văn hóa – giáo dục, văn học – nghệ thuật, khoa học – kỹ thuật; Thông tư 63-VHTT ngày 16/7/1988 của Bộ Văn hóa hướng dẫn việc sử dụng và phân phối nhuận bút đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật hết thời hạn hưởng quyền tác giả; Thông tư 326/BTT của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn thi hành chế độ nhuận bút đối với tác phẩm chính trị – xã hội, văn hóa – giáo dục, văn học – nghệ thuật, khoa học – kỹ thuật; Thông tư liên bộ số 28/TT-LB ngày 16/4/1990 của Bộ Văn hóa - Thông tin Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ nhuận bút đối với tác phẩm văn học nghệ thuật; Thông tư liên bộ số 1314/TT-LB ngày 23/7/1991 của Bộ Văn hóa - Thông tin Thể thao và Du lịch và Bộ Xây dựng quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc v.v... Trong đó, Thông tư liên bộ số 1314/TT-LB quy định khá đầy đủ các vấn đề liên quan đến

quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc như tác giả, chủ sở hữu của tác phẩm kiến trúc; đối tượng, nội dung của quyền tác giả tác phẩm kiến trúc; thời gian bảo hộ quyền tác giả tác phẩm kiến trúc.

Năm 1992, Nhà nước ban hành Hiến pháp mới. Quyền sở hữu trí tuệ được ghi nhận và bảo hộ ở trong Hiến pháp (Điều 60) - Văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất. Để thể chế hóa quy định trên của Hiến pháp năm 1992 và đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế đất nước, ngày 02 tháng 12 năm 1994 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả (bao gồm 7 Chương, 47 Điều). Việc ban hành Pháp lệnh này mở ra một giai đoạn mới cho việc xây dựng văn bản pháp luật bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam. Lần đầu tiên, quyền tác giả được điều chỉnh bởi một văn bản do cơ quan thường trực của cơ quan lập pháp ban hành. Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả được coi là văn bản quan trọng nhất, quy định đầy đủ, chi tiết nhất về quyền tác giả. Pháp lệnh không có quy định riêng về chủ sở hữu tác phẩm mà chủ sở hữu tác phẩm được quy định xen kẽ với quyền của tác giả. Việc bảo hộ tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cũng được ghi nhận tại Điều 4 của Pháp lệnh.

Ngoài ra, ở giai đoạn này Nhà nước ta còn ban hành một số văn bản pháp luật khác liên quan đến quyền tác giả như Luật Di sản văn hóa năm 2001, Luật Xuất bản năm 2004 v.v...

Như vậy, ở giai đoạn này các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc đã tương đối đầy đủ hơn giai đoạn trước. Tuy vậy, các quy định vẫn chưa cụ thể và chưa tập trung trong một văn bản có hiệu lực pháp luật cao nên việc thực hiện không tránh khỏi hạn chế.

1.3.3. Giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2005

Năm 1995, Bộ luật dân sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ban hành. Quyền tác giả được quy định tại Chương I của Phần thứ sáu của Bộ luật này bao gồm 35 Điều (từ Điều 745 đến Điều

779) và được chia thành 04 mục. Các quy định về quyền tác giả trong BLDS năm 1995 được kế thừa và phát triển từ các quy định tương ứng của Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả.

Để cụ thể hóa các quy định mang tính nguyên tắc của BLDS năm 1995 về quyền tác giả, Chính phủ đã ban hành một loạt các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị định 76/CP ngày 29/11/1996 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định về quyền tác giả trong BLDS; Nghị định 60/CP ngày 06/6/1997 của Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định trong BLDS về quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài v.v... Tại Điều 4 của Nghị định 76/CP quy định các loại hình tác phẩm được bảo hộ quy định tại Điều 747 của BLDS bao gồm cả các tác phẩm kiến trúc. Đặc biệt, ngày 24 tháng 1 năm 2003, Bộ Văn - Thông tin và Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư liên tịch số 04/2003/TTLT-BVHTT-BXD hướng dẫn về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Đây là văn bản chuyên biệt quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Nội dung của Thông tư quy định khá đầy đủ, chi tiết các vấn đề về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc như các tác phẩm kiến trúc được bảo hộ, tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc, quyền của tác giả và chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc, đăng ký quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm kiến trúc v.v...

Ở giai đoạn này, ngoài các văn bản pháp luật trong nước, Nhà nước ta đã ký kết các điều ước song phương và đa phương về quyền sở hữu trí tuệ như Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về thiết lập quan hệ quyền tác giả ngày 27/6/1997; Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Thụy Sĩ về Bảo hộ Sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ ngày 7 tháng 7 năm 1999; Công ước Berne bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học ngày 26 tháng 10 năm 2004. Các điều ước này đã trở thành một bộ phận của pháp luật quốc gia quy định về quyền tác giả. Đồng thời

để thi hành các điều ước đã ký kết Nhà nước ta cũng đã ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành như Thông tư 05/1998/TT-BVHTT ngày 12/9/1998 của Bộ Văn hóa Thông tin và Du lịch hướng dẫn thi hành một số quy định của Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về thiết lập quan hệ quyền tác giả.

Như vậy, có thể nói rằng trong giai đoạn này hệ thống pháp luật Việt Nam đã từng bước có sự phát triển nhất định nhằm đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống cũng như thực tiễn của nền kinh tế đất nước trong thời kỳ này. Nhà nước Việt Nam đã từng bước quan tâm xây dựng hệ thống pháp luật về bảo hộ quyền tác giả. Điều này đã góp phần hỗ trợ nhất định cho hoạt động sáng tạo nói chung và cho tài sản trí tuệ dần dần được hình thành và được bảo vệ. Tuy vậy, pháp luật bảo hộ quyền tác giả của Việt Nam nói chung và các quy định của pháp luật về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng trong giai đoạn này cũng còn bộc lộ nhiều bất cập như BLDS năm 1995 mới chỉ nêu ra những nguyên tắc cơ bản và chủ yếu điều chỉnh các khía cạnh dân sự của quyền sở hữu trí tuệ. Những quy định có tính pháp lý về xác lập quyền sở hữu trí tuệ và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ chưa được đề cập một cách rõ ràng. Mặt khác, các quy phạm pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong giai đoạn này vẫn còn chồng chéo và tản mạn. Điều này đã gây khó khăn, phiền hà, lãng phí thời gian, công sức và tiền của không ít của người dân trong việc tra cứu, tìm hiểu các quy định của pháp luật để thực hiện cho đúng, cho có hiệu quả.

1.3.4. Giai đoạn từ năm 2005 đến nay

Để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, ngày 29/11/2005 tại kì họp thứ 8, Quốc hội khóa XI đã thông qua BLDS mới và LSHTT. Việc ban hành BLDS năm 2005 và LSHTT về quyền tác giả đánh dấu sự phát triển mới của pháp luật Việt Nam về quyền sở hữu trí tuệ nói

chung và quyền tác giả nói riêng. So với BLDS năm 1995, thì BLDS năm 2005 đã cung cấp thêm một phương pháp tiếp cận mới về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đó là phương pháp tiếp cận từ khía cạnh thương mại. Những quy định của BLDS năm 2005 đã đặt nền móng cho việc điều chỉnh các khía cạnh thương mại này của quyền tác giả.

Trên cơ sở các quy định mang tính nguyên tắc của BLDS dân sự năm 2005 về bảo hộ quyền tác giả các khía cạnh khác nhau, đặc biệt là khía cạnh thương mại, LSHTT với 222 điều đã tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi và phù hợp cho việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam trong giai đoạn hội nhập quốc tế. Ngày 19/6/2009 tại kì họp thứ 5 Quốc hội khóa XII đã thông qua LSĐBSLSHTT với 33 điều sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục một số hạn chế nhất định của LSHTT.

Để thi hành các quy định của BLDS năm 2005 và LSHTT về quyền tác giả và quyền và quyền liên quan, ngày 21 tháng 9 năm 2006 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 100/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của BLDS và LSHTT về quyền tác giả và quyền và quyền liên quan (Nghị định số 100/2006/NĐ-CP); ngày 20 tháng 9 năm 2011, Chính phủ ban hành Nghị định 85/2011/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của BLDS và LSHTT về quyền tác giả và quyền và quyền liên quan (Nghị định 85/2011/NĐ-CP); ngày 29 tháng 02 năm 2008, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp đã ra Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-TANDTC-VKNDTC-BCA-BTP hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Ngoài việc quy định các vấn đề về quyền tác giả nói chung, trong đó có các vấn đề liên quan đến quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, thì tại Điều 17 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP đã đưa ra quy định về định nghĩa tác phẩm kiến trúc.

Bên cạnh việc ban hành BLDS dân sự năm 2005, LSHTT và LSĐBSLSHTT, Nhà nước cũng ban hành Luật Điện ảnh năm 2006, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2009, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hoá năm 2009, Luật Xuất bản năm 2012, Luật Quảng cáo năm 2012, Luật Hải quan năm 2014 v.v... Trong các văn bản pháp luật này cũng có một số điều khoản quy định những vấn đề liên quan đến quyền tác giả như quy định về mức phạt đối với các hành vi thuộc tội phạm quyền tác giả của Bộ luật Hình sự năm 2009, quy định về các biện pháp bảo hộ tại biên giới đối với hàng hóa xuất nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ Luật Hải quan năm 2014 v.v... nhằm tăng cường quản lý lĩnh vực đặc biệt quan trọng này.

Ngoài ra, để hội nhập quốc tế sâu rộng hơn nhằm phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn này Việt Nam đã tham gia Hiệp định Trips về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ ngày 11 tháng 01 năm 2007.

Như vậy, có thể khẳng định rằng hoạt động lập pháp, lập quy về quyền tác giả nói chung, quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng ở giai đoạn này đã có bước phát triển vượt bậc, tạo lập được hành lang pháp lí an toàn, khuyến khích các hoạt động sáng tạo phát triển, đồng thời bảo hộ thành quả lao động sáng tạo đã kết tinh trong các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học. Pháp luật về quyền tác giả, quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc dần dần đã được hoàn thiện hoàn thiện hơn, thống nhất, minh bạch và khả thi hơn, về cơ bản đã phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, tạo cơ sở pháp lí cho các hoạt động bảo hộ tại quốc gia và hội nhập quốc tế, bảo đảm được hài hòa lợi ích giữa người sáng tạo, người sử dụng và công chúng hưởng thụ; bảo vệ được lợi ích của quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.

1.4. PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

1.4.1. Công ước Berne

Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật (1886)

do WIPO quản lý thực hiện. Công ước Berne dựa trên 03 nguyên tắc chính và gồm hàng loạt các quy định xác định mức độ bảo hộ tối thiểu cũng như các quy định đặc biệt đối với các nước đang phát triển. Ba nguyên tắc cơ bản của Công ước Berne bao gồm:

Thứ nhất, các tác phẩm có xuất xứ từ một nước thành viên phải được bảo hộ ở mỗi nước thành viên khác giống như các nước này bảo hộ cho tác phẩm của công dân nước họ.

Thứ hai, việc bảo hộ không phụ thuộc vào sự tuân thủ bất kỳ thủ tục nào, tức là, việc bảo hộ được tiến hành một cách tự động mà không cần thủ tục đăng ký bảo hộ.

Thứ ba, việc bảo hộ độc lập với sự bảo hộ ở nước xuất xứ của tác phẩm. Tuy nhiên, nếu một nước thành viên quy định một thời hạn dài hơn mức tối thiểu quy định trong Công ước và tác phẩm ngừng được bảo hộ ở nước xuất xứ thì việc bảo hộ có thể bị từ chối.

Công ước Berne quy định việc bảo hộ phải bao trùm “*mọi sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật, không phân biệt phương thức và hình thức thể hiện*”. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả nói chung (trong đó có quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc) theo Công ước Berne đối với quyền nhân thân là vĩnh viễn và đối với quyền tài sản là suốt cuộc đời tác giả và 50 năm sau khi tác giả chết.

Theo quy định tại điểm b Điều 4 Công ước Berne thì tác phẩm kiến trúc còn có thể được bảo hộ quyền tác giả nếu các tác phẩm kiến trúc được xây dựng trong một nước là thành viên của Công ước. Theo quy định tại Điều 5 Công ước Berne thì đối với những tác phẩm kiến trúc được Công ước này bảo hộ, các tác giả được hưởng quyền tác giả ở các nước thành viên của Công ước ngoại trừ quốc gia gốc của tác phẩm kiến trúc; việc hưởng và thực hiện các quyền này không lệ thuộc vào một thể thức hay thủ tục nào mà tùy thuộc vào việc tác phẩm có được bảo hộ hay không ở quốc

gia gốc của tác phẩm. Việc xác định quốc gia gốc của tác phẩm kiến trúc được xác định theo các tiêu chí sau đây:

- Quốc gia thành viên Công ước, nơi tác phẩm kiến trúc được công bố lần đầu tiên. Tuy nhiên, nếu tác phẩm kiến trúc được công bố đồng thời ở nhiều nước thành viên Công ước không có cùng một thời hạn bảo hộ thì quốc gia gốc của tác phẩm là quốc gia có thời hạn bảo hộ ngắn nhất;

- Quốc gia thành viên của Công ước nếu các tác phẩm kiến trúc cùng công bố đồng thời ở một quốc gia là thành viên của Công ước và một quốc gia không là thành viên Công ước;

- Quốc gia thành viên Công ước, nơi tác giả là công dân nếu tác phẩm kiến trúc chưa công bố hay đã công bố lần đầu tiên ở một nước không là thành viên của Công ước mà không đồng thời công bố ở một nước là thành viên của Công ước khác. Nếu là tác phẩm kiến trúc tọa lạc tại một quốc gia là thành viên Công ước thì quốc gia này sẽ là quốc gia gốc của tác phẩm kiến trúc.

Tác giả của tác phẩm kiến trúc được bảo hộ theo Công ước Berne được hưởng độc quyền cho phép sao in tác phẩm kiến trúc dưới bất kỳ phương thức hay hình thức nào (mọi ghi âm hay ghi hình đều được xem là sao in). Tuy nhiên, Luật pháp quốc gia thành viên Công ước có quyền cho phép sao in những tác phẩm kiến trúc trong một vài trường hợp đặc biệt, miễn là sự sao in đó không phương hại đến việc khai thác bình thường tác phẩm hoặc không gây thiệt thòi bất chính cho những quyền lợi hợp pháp của tác giả. Ví dụ: việc trích dẫn rút ra từ một tác phẩm kiến trúc đã được phổ cập tới công chúng một cách hợp pháp, phù hợp với những thông lệ chính đang và phù hợp với mục đích; khi trích dẫn hay sử dụng tác phẩm kiến trúc đều phải ghi rõ nguồn gốc tác phẩm kiến trúc và tên tác giả nếu nguồn gốc tác phẩm kiến trúc có mang tên tác giả.

Công ước Berne mới chỉ quy định các nguyên tắc bảo hộ, thời hạn bảo hộ quyền tác giả, các hành vi xâm phạm quyền tác giả và cơ chế bảo hộ quyền

tác giả nói chung mà không có quy định cụ thể, chi tiết hơn như pháp luật quốc gia. Tuy nhiên, Công ước Berne ở một chừng mực nhất định đã có sự đóng góp đáng kể vào việc đặt nền tảng và phát triển hệ thống bảo hộ quyền tác giả trên phạm vi toàn cầu. Do đặc thù của các Công ước là tính cưỡng chế yếu nên trên thực tế Công ước Berne vẫn không thể thực hiện có hiệu quả mục tiêu bảo hộ quyền tác giả nếu các quy định của Công ước Berne không được thể chế hóa trong pháp luật các quốc gia.

1.4.2. Hiệp định TRIPs

Hiệp định TRIPs ra đời trong bối cảnh quyền quyền tác giả (bao gồm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc) bắt đầu trở thành mối quan tâm thường xuyên và có ảnh hưởng trực tiếp tới các thể chế thương mại quốc tế, khuynh hướng sử dụng trái phép quyền tác giả lại diễn ra ngày càng phổ biến và trầm trọng; nạn hàng nhái, hàng giả đã trở thành một vấn nạn trên toàn cầu. Việc sao chép quyền tác giả để sản xuất và bán các tác phẩm có chứa các thành quả sáng tạo này đã dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, làm những người đã bỏ công sức đầu tư để tạo ra các thành quả này bị thiệt hại nghiêm trọng. Hiệp định TRIPs ra đời nhằm tạo lập một hệ thống bảo hộ quyền tác giả có tính bắt buộc trên toàn cầu, ngăn chặn việc sử dụng trái phép quyền tác giả và khuyến khích thúc đẩy sáng tạo.

Các quy định mới về điều chỉnh các vấn đề liên quan đến thương mại của quyền tác giả thông qua Hiệp định TRIPs đã trở thành một phương tiện giúp củng cố trật tự, cũng như giải quyết tranh chấp một cách có hệ thống trên phạm vi toàn cầu [67]. Hiệp định TRIPs nêu ra các nguyên tắc và ấn định các mức độ bảo hộ tối thiểu mà mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm cho quyền tác giả của các quốc gia thành viên khác. Trên cơ sở đó, Hiệp định tạo ra sự cân bằng giữa lợi ích lâu dài và chi phí ngắn hạn đối với xã hội. Cũng như trong các hiệp định khác của WTO, Hiệp định TRIPs dựa trên một số nguyên

tắc cơ bản: nguyên tắc đối xử quốc gia (Điều 3), nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (Điều 4) và nguyên tắc bảo hộ cân bằng.

Hiệp định TRIPs đề cập chi tiết đến cách thức bảo hộ quyền tác giả, xây dựng hệ thống bảo hộ quyền tác giả nhằm đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn tối thiểu được nêu trong Hiệp định theo hai chuẩn mực cơ bản về bảo hộ, đó là tính đầy đủ và tính hiệu quả của hệ thống pháp luật về quyền tác giả hiện hành. Nền tảng về quyền tác giả của Hiệp định là những nghĩa vụ được nêu trong Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật.

Ngoài việc nêu ra quy định về nội dung quyền tác giả được bảo hộ, Hiệp định TRIPs đã có các quy định về việc chính phủ các nước làm thế nào để luật pháp quốc gia bảo hộ được quyền tác giả và các trường hợp vi phạm phải bị trừng trị. Điều 41 Hiệp định TRIPs quy định về những biện pháp chế tài khẩn cấp nhằm ngăn chặn các hành vi xâm phạm và những biện pháp chế tài nhằm ngăn chặn không để các hành vi xâm phạm tiếp diễn. Mặt khác, các thủ tục đó phải được áp dụng theo cách thức tránh tạo ra các hàng rào cản trở hoạt động thương mại hợp pháp. Các thủ tục và các biện pháp chế tài theo quy định của Hiệp định TRIPs gồm 02 nhóm cơ bản: các biện pháp chế tài dân sự, hành chính và hình sự.

Quy định quan trọng nhất của Hiệp định TRIPs là tranh chấp phát sinh liên quan đến Hiệp định TRIPs sẽ được giải quyết theo quy định của Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO (DSB). Điều 63 Hiệp định TRIPs yêu cầu các thành viên phải công bố, hoặc ít nhất cho công chúng tiếp cận bằng ngôn ngữ quốc gia, tất cả các luật, quy định, quyết định xét xử cuối cùng và quyết định hành chính giải quyết vụ việc liên quan đến đăng ký, bảo hộ, thực thi, ngăn chặn lạm dụng quyền tác giả. Ngoài ra, các thành viên phải công bố mọi thỏa thuận đã ký với các thành viên WTO khác trong lĩnh vực quyền tác giả.

Kết luận chương 1

Trong xã hội, những sản phẩm do trí tuệ của con người tạo nên có ý nghĩa vô cùng to lớn. Trong bối cảnh ngày nay khi các tài nguyên thiên nhiên ngày một ít đi, dân số thế giới ngày một tăng lên, con người càng phải thúc đẩy tư duy sáng tạo để tạo ra của cải vật chất mới đảm bảo tiêu chí tiết kiệm thời gian, công sức lao động và nguyên liệu tạo ra sản phẩm. Việc bảo hộ quyền của tác giả, của chủ sở hữu đối với những tài sản do lao động trí tuệ tạo ra luôn được coi trọng và được xem là chuẩn mực đánh giá sự tiến bộ của văn minh nhân loại.

Tác phẩm kiến trúc là một loại hình của tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học do lao động trí tuệ sáng tạo ra nên rất có giá trị về vật chất và tinh thần và tinh thần đối với đời sống của con người. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học, trong đó có tác phẩm kiến trúc, Việt Nam đã gia nhập các Công ước quốc tế về quyền tác giả như Công ước Berne, Hiệp định TRIPS, ký kết các Hiệp định song phương đồng thời cũng ban hành BLDS, LSHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành các luật này với những quy định cụ thể các vấn đề về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm nói chung và tác phẩm kiến trúc nói riêng... Việc pháp luật ghi nhận bảo hộ quyền tác giả đối với loại hình tác phẩm này có ý nghĩa to lớn trong việc khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động sáng tạo tác phẩm kiến trúc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao điều kiện sống cho người dân.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

2.1. CHỦ THỂ CỦA QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

Từ khi LSHTT được ban hành, đặc biệt là từ khi LSĐBSLSHTT được ban hành thì pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam đã có những quy định cụ thể về các chủ thể của quyền tác giả nói chung và chủ thể của quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng. Như vậy, theo các quy định tại các Điều 736, 740 của BLDS năm 2005 và các quy định từ Điều 36 đến Điều 42 LSHTT thì chủ thể của quyền tác giả nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là tổ chức, cá nhân có tác phẩm kiến trúc được bảo hộ quyền tác giả gồm: (i) tác giả và (ii) chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Xác định chính xác tư cách chủ thể của quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc giúp xác định chính xác quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định hoặc/và giúp xác định chính xác quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng chuyển giao quyền tác giả quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Việc làm này là quan trọng và cần thiết nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của những chủ thể này.

Tuy nhiên, tại khoản 6 Điều 4 LSĐBSLSHTT về giải thích từ ngữ lại quy định: “*Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ là chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.*”. Quy định về giải thích từ ngữ này của LSĐBSLSHTT đã bộc lộ hạn chế là liệt kê thiếu một chủ thể quan trọng của quyền sở hữu trí tuệ là tác giả.

2.1.1. Tác giả của tác phẩm kiến trúc

Tác giả của tác phẩm kiến trúc là người trực tiếp sáng tạo ra toàn bộ hoặc một phần tác phẩm kiến trúc.

Quá trình tạo ra các tác phẩm kiến trúc là quá trình hoạt động sáng tạo. Bởi vậy, một cá nhân chỉ được thừa nhận là tác giả khi họ đã bằng lao động sáng tạo của mình để trực tiếp tạo ra tác phẩm kiến trúc. Người đề xuất ý kiến, làm công việc hỗ trợ, đóng góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu, cung cấp tài chính cho người khác sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc không được công nhận là tác giả.

Tuy nhiên, một tác phẩm kiến trúc không chỉ được tạo ra từ lao động sáng tạo của một cá nhân mà có thể còn được tạo ra từ lao động sáng tạo của nhiều cá nhân.

Nếu căn cứ vào số lượng người lao động sáng tạo để tạo ra tác phẩm kiến trúc thì tác giả được phân thành 02 loại:

Thứ nhất, tác giả đơn nhất: Là cá nhân bằng lao động sáng tạo của một mình họ để trực tiếp tạo ra toàn bộ tác phẩm kiến trúc. Ví dụ: đối với các công trình kiến trúc quy mô nhỏ như nhà ở riêng lẻ thì thường chỉ có 01 kiến trúc sư thực hiện việc thiết kế nhà ở. Trong trường hợp này, người đó có thể được hưởng toàn bộ các quyền nhân thân, quyền tài sản của tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.

Thứ hai, đồng tác giả: Là nhiều cá nhân hợp tác để cùng nhau bằng lao động sáng tạo tạo ra tác phẩm kiến trúc. Ví dụ: trong các dự án xây dựng các công trình kiến trúc quy mô lớn như bệnh viện, trường học thì bản vẽ thiết kế thường do nhiều kiến trúc sư thực hiện. Trong trường hợp này những người đó cùng nhau hưởng quyền nhân thân cũng như quyền tài sản của tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.

Tuy pháp luật không quy định nhưng trong thực tế, khi xác định phần quyền mà mỗi đồng tác giả được hưởng, người ta thường dựa vào thỏa thuận giữa các bên hoặc tính chất, kết cấu của tác phẩm để xác định những người đó là đồng tác giả định phần hay không định phần.

Nếu những người cùng sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc đã có thỏa thuận thì việc xác định đồng tác giả định phần hay không định phần sẽ căn cứ theo thỏa thuận này. Trong trường hợp những người cùng sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc không có thỏa thuận thì việc xác định đồng tác giả sẽ được thực hiện như sau:

- Nếu tác phẩm do nhiều người tạo ra là một tác phẩm không thể xác định phần sáng tạo của từng người thì họ là đồng tác giả không định phần. Vì vậy, tất cả các đồng tác giả cùng hưởng quyền nhân thân, quyền tài sản đối với tác phẩm một cách ngang nhau.

- Nếu tác phẩm được kết cấu theo từng từng phần và có thể xác định được mỗi phần đó do tác giả nào sáng tạo ra thì những người cùng tạo ra tác phẩm đó được gọi là đồng tác giả định phần. Vì vậy, trong trường hợp này, quyền lợi của mỗi đồng tác giả thường được xác định tương ứng với phần tác phẩm do họ sáng tác ra.

2.1.2. Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hay toàn bộ các quyền tài sản liên quan đến tác phẩm kiến trúc dù họ là người trực tiếp hoặc không trực tiếp tạo ra tác phẩm đó. Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc có thể đồng thời là tác giả tác phẩm kiến trúc hoặc không đồng thời là tác giả tác phẩm kiến trúc. Cụ thể là:

2.1.2.1. Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc đồng thời là tác giả

Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc đồng thời là tác giả khi họ sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất – kỹ thuật của mình để trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc. Trong trường hợp này, họ vừa là chủ thể sáng tạo vừa là nhà đầu tư tài chính để tạo ra tác phẩm kiến trúc. Chủ thể đóng vai trò tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả có toàn bộ các quyền nhân thân và quyền tài sản có được từ tác phẩm kiến trúc theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Nếu tác phẩm do nhiều người sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật của mình để tạo ra tác phẩm đó thì họ là đồng tác giả và đồng thời là chủ sở hữu đối với tác phẩm đó.

2.1.2.2. Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc không đồng thời là tác giả

Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc không đồng thời là tác giả là người không trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc. Đó là các tổ chức, cá nhân sau đây:

Thứ nhất, tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ sáng tạo tác phẩm kiến trúc cho tác giả. Trường hợp này, tác giả được giao nhiệm vụ sáng tạo và tác giả sử dụng nguồn tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức, cá nhân quản lý mình để sáng tạo tác phẩm. Do đó, chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ sáng tạo cho tác giả. Ví dụ: Tổng công ty X giao nhiệm vụ cho anh A là kiến trúc sư của Tổng công ty thiết kế một tòa nhà chung cư thì chủ sở hữu quyền tác giả đối với bản vẽ thiết kế tòa nhà chung cư đó là Tổng công ty X.

Thứ hai, tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với tác giả. Trường hợp này, tác giả sáng tạo ra tác phẩm trên cơ sở hợp đồng thuê sáng tạo sản phẩm được giao kết giữa tác giả và bên thuê sáng tạo. Ví dụ: Ông B thuê kiến trúc sư A thiết kế căn biệt thự 03 tầng cho ông thì ông B có thể là chủ sở hữu quyền tác giả đối với bản vẽ căn biệt thự đó nếu có thỏa thuận trong hợp đồng thiết kế.

Các tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng sáng tạo với tác giả để tác giả tạo ra tác phẩm kiến trúc theo hợp đồng đã giao kết là chủ sở hữu quyền tài sản đối với tác phẩm đó. Nếu chỉ một cá nhân, tổ chức giao kết hợp đồng sáng tạo với tác giả để tạo ra tác phẩm theo hợp đồng đó thì chỉ riêng tổ chức hoặc cá nhân hoặc cơ quan đó là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm đó. Ngược lại, nếu nhiều tổ chức hay nhiều cá nhân cùng giao kết một hợp đồng sáng tạo tác phẩm với tác giả thì sẽ đồng thời là chủ sở hữu đối với các quyền nêu trên.

Thứ ba, tổ chức, cá nhân là người thừa kế quyền tác giả. Tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả có quyền để lại thừa kế các quyền tài sản thuộc quyền tác giả và quyền công bố, cho phép người khác công bố tác phẩm. Lúc này, tổ chức, cá nhân được thừa kế một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản theo di chúc hoặc theo pháp luật trở thành chủ sở hữu quyền tác giả. Nếu có nhiều người được thừa kế là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc mà người để lại thừa kế không phân định phần quyền của mỗi người thì họ được xác định là đồng chủ sở hữu chung hợp nhất về quyền tác giả. Nếu người để lại thừa kế đã xác định cụ thể về phần quyền mà mỗi thừa kế được hưởng thì mỗi người là chủ sở hữu quyền tác giả đối với phần riêng đó.

Thứ tư, tổ chức, cá nhân là người được chuyển nhượng quyền tác giả. Các quyền tài sản và quyền công bố tác phẩm thuộc quyền tác giả là đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả. Giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả làm phát sinh tư cách chủ sở hữu quyền tác giả của tổ chức, cá nhân là bên được chuyển nhượng hợp đồng.

Thứ năm, Nhà nước. Nhà nước là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc khuyết danh, tác phẩm còn trong thời hạn bảo hộ mà chủ sở hữu quyền tác giả chết không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận di sản hoặc không được quyền hưởng di sản, tác phẩm được chủ sở hữu quyền tác giả chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước.

Như vậy, xét về khía cạnh kinh tế thì trong trường hợp tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đóng vai trò quan trọng hơn tác giả vì khi sử dụng tác phẩm, các chủ thể khác phải xin phép hay trả nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả.

2.2. NỘI DUNG QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

Quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc phát sinh ngay sau khi ý tưởng sáng tạo của tác giả được thể hiện dưới dạng bản vẽ thiết kế, không phụ

thuộc vào việc tác phẩm đã công bố hoặc chưa công bố; đã đăng ký bảo hộ hoặc chưa đăng ký bảo hộ. Theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ Việt Nam, quyền tác giả, trong đó có quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc được tạo thành bởi các quyền nhân thân và các quyền tài sản. Nội dung quyền tác giả được quy định tại Điều 738 BLDS năm 2005 và Điều 19 đến 20 LSHTT, Điều 22 và Điều 23 của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 85/2011/NĐ-CP. Tùy theo vị trí và vai trò của mình đối với tác phẩm kiến trúc, mỗi một chủ thể sẽ được hưởng các quyền nhất định. Chỉ có tác giả đồng thời là chủ sở hữu của quyền tác giả mới có đầy đủ quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm kiến trúc.

2.2.1. Quyền nhân thân

Các quyền nhân thân là các quyền của tác giả, mang lại giá trị tinh thần cho tác giả. Về bản chất, quyền nhân thân là các quyền luôn gắn liền với tác giả và không thể chuyển giao được. Tuy nhiên, trong nhóm quyền nhân thân có quyền công bố tác phẩm là quyền có thể chuyển giao được.

Theo quy định của Điều 19 LSHTT và Điều 22 của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP, các quyền nhân thân của tác giả bao gồm:

2.2.1.1. Quyền đặt tên cho tác phẩm kiến trúc

Có thể nói rằng tác phẩm kiến trúc chính là đứa con tinh thần của tác giả, do đó, tác giả có quyền đặt tên cho tác phẩm của mình. Tên tác phẩm kiến trúc thể hiện “*linh hồn*” của tác phẩm. Nó thường phản ánh những nội dung cơ bản, ý tưởng của tác giả trong tác phẩm và có ý nghĩa quan trọng trong việc cá biệt hóa tác phẩm, thể hiện cái hồn của tác phẩm kiến trúc. Trong nhiều trường hợp, tên tác phẩm kiến trúc thể hiện dấu ấn sáng tạo cá nhân của tác giả, nhắc đến tác phẩm kiến trúc là người ta biết đến tác giả vì sự nổi tiếng của tác phẩm mang tên tác giả đặt. Do đó, quyền đặt tên cho tác phẩm kiến trúc là quyền nhân thân chỉ thuộc về tác giả của tác phẩm kiến trúc. Thông

qua quyền này tác giả có thể đặt cho tác phẩm một tên gọi bất kỳ nào đó, tên của tác phẩm có thể dài hay ngắn, mộc mạc hay hoa mỹ, thậm chí để vô đề. Ví dụ: Kiến trúc sư Võ Trọng Nghĩa nổi tiếng trong giới kiến trúc sư với những công trình kiến trúc mới lạ, độc đáo, thân thiện với môi trường như quán cà phê Gió và Nước, công trình Bamboo Wing, công trình Stacking Green (Nhà Xanh). Nhắc đến những công trình này là nhắc đến tác giả - kiến trúc sư Võ Trọng Nghĩa.

2.2.1.2. Quyền được đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm kiến trúc; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm kiến trúc được công bố, sử dụng

Tác phẩm kiến trúc là kết quả của hoạt động sáng tạo của tác giả. Thực hiện quyền đứng tên tác giả chính là việc tác giả nhằm cá biệt hóa người sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc, xác định tác phẩm kiến trúc đó là do mình sáng tạo ra. Việc đứng tên tác giả có thể được coi là cơ sở để pháp luật bảo hộ quyền của tác giả.

Đối với tác phẩm kiến trúc của mình, tác giả được quyền lựa chọn hoặc đứng tên thật, hoặc là bút danh. Dù đứng tên thật hay bút danh thì bất kỳ khi nào tác phẩm kiến trúc được công bố, sử dụng, tác giả vẫn có quyền nêu tên thật của mình để được hưởng các quyền lợi đối với tác phẩm kiến trúc. Ví dụ: Nhóm tác giả của tác phẩm kiến trúc “Trường mầm non Xanh – Farming Kindergarten” - các kiến trúc sư Võ Trọng Nghĩa, Takashi Niwa, Masaaki Iwamoto, Trần Thị Hằng, Kuniko Onishi, nhóm tác giả của công trình “Nhà Quốc hội” - các kiến trúc sư Meinhard von Gerkan và Nikolaus Goetze, Dirk Heller và Joern Ortman có quyền nêu tên thật để nhận Giải thưởng Kiến trúc quốc gia 2014 do Hiệp hội kiến trúc sư Việt Nam trao tặng. Việc đứng tên đối với tác phẩm kiến trúc cũng có ý nghĩa to lớn trong việc khẳng định năng lực sáng tạo và trình độ của các tác giả trong lĩnh vực kiến trúc.

2.2.1.3. Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm kiến trúc, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả

Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm kiến trúc là một quyền luôn gắn liền với tác giả và không thể chuyển dịch cho người khác. Tác phẩm kiến trúc được sáng tạo ra từ công sức lao động nhọc nhằn của tác giả, là đứa con tinh thần thai nghén qua bao nhiêu ngày lao động miệt mài và là một chỉnh thể thống nhất thể hiện chủ đề, ý tưởng sáng tạo của tác giả. Nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm kiến trúc gắn liền với uy tín và làm nên danh tiếng của tác giả. Hơn nữa, tác giả phải chịu trách nhiệm đối với các cá nhân, tổ chức khác về nội dung tác phẩm. Không có chủ thể nào khác ngoài tác giả có quyền thay đổi nội dung của tác phẩm, kể cả trong trường hợp sự thay đổi làm tăng giá trị nghệ thuật, giá trị thực tiễn của tác phẩm kiến trúc.

Tóm lại, nếu người khác sửa đổi bất kỳ một vấn đề gì của tác phẩm kiến trúc mà không có sự đồng ý của chính tác giả làm cho chủ đề, giá trị văn hóa, nghệ thuật, cấu trúc, công năng sử dụng của tác phẩm kiến trúc bị thay đổi so với ý đồ của tác giả - kiến trúc sư thì bị coi là có hành vi xâm phạm quyền tác giả. Tác giả bị xâm phạm quyền tác giả có quyền yêu cầu người đó phải chấm dứt hành vi này, xin lỗi, hoàn lại sự toàn vẹn của tác phẩm kiến trúc, và phải bồi thường thiệt hại.

Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm quy định tại khoản 4 Điều 19 LSHTT chỉ là quyền không cho phép người khác thay đổi, sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc nội dung của tác phẩm kiến trúc. Quy định này còn hạn chế là chưa quy định việc bảo vệ quyền lợi của tác giả khi tác phẩm của họ bị người khác hủy hoại thực tế như đốt, xé bản vẽ thiết kế, đập phá mô hình sa bàn. Ngoài ra, chế tài cho hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm kiến trúc cũng chưa được rõ ràng, cụ thể. Trong khi đó, trên thực tế, khác với các

tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học khác, việc tự ý sửa đổi tác phẩm kiến trúc thậm chí có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, thiệt hại về vật chất lẫn tinh thần. Ví dụ: Để tiết kiệm chi phí vật liệu, trong quá trình thi công xây dựng công trình, chủ đầu tư có thể thay đổi loại thép phi 18 thành thép phi 14 hoặc bỏ bớt một số cột, dầm so với bản vẽ thiết kế, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu công trình, giảm chất lượng công trình xây dựng, có thể gây lún, nứt công trình, ảnh hưởng đến uy tín của tác giả tác phẩm kiến trúc cũng như ảnh hưởng đến tính mạng của những người sinh sống, làm việc gần khu vực công trình đó.

2.2.1.4. Quyền công bố tác phẩm kiến trúc hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm kiến trúc

Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 100/2006/NĐ-CP thì tác giả có quyền tự mình công bố hoặc cho người khác công bố tác phẩm kiến trúc do mình sáng tạo ra dưới các hình thức sau đây:

- Các đồ án dự thi hoặc đồ án thiết kế.
- Trên các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh, truyền hình...
- Trong các ấn phẩm: báo, tạp chí, sách, phim ảnh, băng hình tài liệu được phổ biến tại các hội thảo.
- Trưng bày tại các triển lãm.
- Đăng ký với cơ quan bảo hộ quyền tác giả của tác phẩm kiến trúc.

Việc công bố tác phẩm kiến trúc không bao gồm việc xây dựng công trình từ tác phẩm kiến trúc.

Việc công bố tác phẩm kiến trúc ở nước ngoài của tác giả Việt Nam phải theo đúng quy định của pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quyền công bố tác phẩm kiến trúc tuy là một quyền nhân thân nhưng lại gắn liền với việc hưởng lợi ích vật chất từ tác phẩm kiến trúc của tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm bởi chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc chỉ khai thác

được lợi ích vật chất từ tác phẩm khi tác phẩm đã được công bố. Chỉ những người nào là chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc mới có quyền công bố hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của mình. Do quyền công bố tác phẩm gắn liền với việc khai thác lợi ích của tác phẩm nên khác với các quyền nhân thân khác, quyền công bố tác phẩm có thể được chuyển giao thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả hoặc qua thừa kế.

2.2.2. Quyền tài sản

Quyền tài sản là độc quyền khai thác hoặc cho người khác khai thác tác phẩm kiến trúc của chủ sở hữu quyền tác giả. Nếu quyền nhân thân đem đến cho tác giả các lợi ích tinh thần thì quyền tài sản mang lại cho tác giả các lợi ích vật chất. Để có một tác phẩm kiến trúc, tác giả phải đầu tư nhiều công sức và các chi phí vật chất nhất định. Chi phí vật chất này có thể do chính tác giả bỏ ra hoặc do cá nhân, tổ chức khác đầu tư. Do đó, việc ghi nhận và bảo hộ các quyền tài sản của tác giả là nhằm bù đắp chi phí vật chất đã đầu tư, hướng tới khai thác giá trị kinh tế của tác phẩm kiến trúc, bảo đảm tái sản xuất sức lao động và thúc đẩy sự sáng tạo của tác giả. Theo quy định Điều 20 LSHTT và Điều 23 của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP thì tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc có các quyền tài sản sau đây:

2.2.2.1. Quyền làm tác phẩm kiến trúc phái sinh

Quyền này được hiểu là tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc được phép từ tác phẩm của mình tạo ra tác phẩm phái sinh khác hoặc có quyền cho hay không cho phép người khác sử dụng tác phẩm của mình để tạo ra tác phẩm phái sinh.

Với tư cách là người sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc, tác giả có quyền tạo ra tác phẩm phái sinh trên cơ sở tác phẩm gốc nhưng với hình thức, cách thức trình bày mới so với tác phẩm gốc. Ví dụ: đối với một bản vẽ thiết kế nội thất nhà ở, tác giả có thể thay đổi các chi tiết của bản vẽ thiết kế nội thất đối

với căn nhà này để phù hợp với căn nhà khác có quy mô diện tích lớn hơn, mặt tiền hẹp hơn; đối với một bản vẽ thiết kế thi công xây dựng công trình, cũng cùng kết cấu như nhau nhưng tác giả có thể chỉnh sửa lại để phù hợp với tính chất vật lý của nền đất nơi công trình khác được xây dựng.

2.2.2.2. Quyền sao chép tác phẩm kiến trúc

Sao chép tác phẩm kiến trúc là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra bản sao tác phẩm kiến trúc bằng bất kỳ hình thức, phương tiện nào, bao gồm cả việc lưu trữ thường xuyên hoặc tạm thời tác phẩm kiến trúc dưới hình thức điện tử. Ví dụ: tác giả có thể cho phép tổ chức, cá nhân đưa chụp thêm bản sao tác phẩm kiến trúc dưới dạng bản giấy, lưu trữ dữ liệu điện tử trên máy tính, USB, đưa bản sao tác phẩm kiến trúc vào các sách chuyên khảo về kiến trúc để làm ví dụ minh họa cho các xu hướng thiết kế, các cách xử lý nền, móng công trình, v.v...

Nếu tác phẩm chưa được công bố thì sao chép tác phẩm kiến trúc là độc quyền thuộc về chủ sở hữu quyền tác giả. Vì vậy, trong những trường hợp này chỉ có chủ sở hữu quyền tác giả hoặc người được chủ sở hữu quyền tác giả cho phép mới được sử dụng tác phẩm kiến trúc.

2.2.2.3. Quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm kiến trúc

Là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện bằng bất kỳ hình thức, phương tiện kỹ thuật nào mà công chúng có thể tiếp cận được để bán, cho thuê hoặc các hình thức chuyển nhượng khác bản gốc hoặc bản sao tác phẩm kiến trúc. Ví dụ: Tác giả ký hợp đồng cho phép tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm kiến trúc là bản vẽ thiết kế công trình nhà ở riêng lẻ để xây dựng nhà.

Xét về khía cạnh kinh tế thì đây là quyền tài sản vô cùng quan trọng, chỉ khi quyền này được thực hiện trong thực tế thì chủ sở hữu quyền tác giả mới đạt được mục đích kinh tế đối với tác phẩm. Vì vậy, quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm luôn là quyền độc quyền của chủ sở hữu quyền tác

giả tác phẩm kiến trúc trong suốt thời hạn tác phẩm được bảo hộ mà không phân biệt tác phẩm đã được công bố hay chưa công bố.

2.2.2.4. Quyền truyền đạt tác phẩm kiến trúc tới công chúng

Đây là việc chuyển tải tác phẩm kiến trúc hoặc bản sao tác phẩm kiến trúc đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào khác mà công chúng có thể tiếp cận được tác phẩm kiến trúc đó. Quyền truyền đạt tác phẩm kiến trúc đến công chúng là độc quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, vì vậy, việc thực hiện quyền này có thể do chính chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc chủ sở hữu quyền tác giả cho phép người khác thực hiện để đưa tác phẩm kiến trúc hoặc bản sao tác phẩm kiến trúc đến với công chúng thông qua phương tiện kỹ thuật nhất định. Ví dụ: chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc có thể cho phép việc ghi hình tác phẩm kiến trúc để phát sóng trên truyền hình nhằm quảng bá hình ảnh của tác phẩm kiến trúc, mang bản chụp, bản ghi hình tác phẩm kiến trúc đến trưng bày tại các triển lãm về kiến trúc.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 6 Điều 1 LSĐBSLSHTT thì việc chụp ảnh, truyền hình tác phẩm kiến trúc được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó có thể được thực hiện mà không cần xin phép tác giả và không phải trả nhuận bút, nhuận bút, thù lao. Việc quy định ngoại lệ này là hợp lý, một mặt nhằm thúc đẩy môi trường thông tin phát triển, tạo động lực cho các cá nhân, tổ chức tham gia sáng tạo tác phẩm kiến trúc, mặt khác cũng góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh của tác giả, tác phẩm kiến trúc trong lòng công chúng.

2.2.2.5. Quyền hưởng nhuận bút, thù lao khi tác phẩm kiến trúc được sử dụng

Khoản tiền mà tác giả được bên sử dụng tác phẩm kiến trúc trả cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả của một tác phẩm kiến trúc được gọi là

nhuận bút, thù lao cho tác phẩm. Khoản 3 Điều 20 LSHTT quy định tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả được hưởng nhuận bút, thù lao cho tác phẩm và khoản 12 Điều 1 Nghị định số 85/2011/NĐ-CP đã quy định cụ thể về nguyên tắc được hưởng nhuận bút, thù lao cho tác phẩm. Theo đó, nhuận bút, thù lao cho tác phẩm được xác định theo các nguyên tắc sau:

- Việc trả nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất phải bảo đảm lợi ích của người sáng tạo, nhà sử dụng và công chúng hưởng thụ, phù hợp với thực tiễn của đất nước;

- Mức nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất căn cứ vào thể loại, hình thức, chất lượng, số lượng hoặc tần suất sử dụng tác phẩm kiến trúc;

- Các đồng tác giả, tập thể tác giả thỏa thuận về tỷ lệ phân chia nhuận bút, thù lao theo mức độ sáng tạo thể hiện trong tác phẩm kiến trúc, phù hợp với hình thức sử dụng;

- Việc sử dụng quyền tác giả tác phẩm kiến trúc và trả nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất phải có hợp đồng bằng văn bản theo quy định pháp luật;

- Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước lập dự trù kinh phí chi nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất trong phạm vi ngân sách và các nguồn thu khác theo quy định pháp luật.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 20 LSHTT thì tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản của chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc phải trả tiền nhuận bút, thù lao và các quyền vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả. Việc trả tiền nhuận bút, thù lao và các quyền vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả được thực hiện theo sự thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.

Tùy theo mối liên quan của mỗi chủ thể với tác phẩm kiến trúc mà mỗi chủ thể này sẽ được hưởng các quyền khác nhau, cụ thể như sau:

Thứ nhất, tác giả không là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.

Tác giả sáng tạo ra tác phẩm kiến trúc nhưng chủ sở hữu quyền tác giả lại chính là các cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ hoặc bên giao việc trong hợp đồng được kí kết giữa họ với tác giả. Vì vậy, tác giả chỉ được hưởng các quyền nhân thân thuộc về quyền tác giả, quyền công bố tác phẩm kiến trúc và các quyền tài sản thuộc về các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu quyền tác giả này.

Thứ hai, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc đồng thời là tác giả.

Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc đồng thời là tác giả có các quyền nhân thân và quyền tài sản có thể được chuyển giao toàn bộ hoặc một phần cho người khác theo hợp đồng bằng văn bản hoặc cho, biếu tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm của mình dưới các hình thức như: xuất bản, tái bản, sao chép tác phẩm; trưng bày tác phẩm trước công chúng; truyền đạt tác phẩm tới công chúng bằng bất kỳ phương tiện hoặc cách thức nào; phân phối tác phẩm hoặc bản sao tác phẩm bằng cách bán, cho thuê hoặc bằng cách khác; nhập khẩu các bản sao tác phẩm của mình từ nước ngoài vào Việt Nam;

- Cho hoặc không cho người khác sử dụng tác phẩm của mình dưới các hình thức như: xây dựng, sao chép, sao chụp lại tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào;

- Được hưởng nhuận bút;

- Được hưởng nhuận bút, thù lao khi tác phẩm được sử dụng;

- Được hưởng lợi ích vật chất từ việc cho người khác sử dụng tác phẩm dưới các hình thức như: xây dựng, xuất bản, tái bản, trưng bày, triển lãm; cho thuê;

- Nhận giải thưởng đối với tác phẩm mà mình là tác giả, trừ trường hợp tác phẩm không được Nhà nước bảo hộ.

Thứ ba, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc không đồng thời là tác giả.

Quyền của chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc không đồng thời là tác giả bao gồm các quyền nhân thân và các quyền tài sản sau:

Thứ nhất, các quyền nhân thân có thể được chuyển giao toàn bộ hoặc một phần cho người khác theo hợp đồng bằng văn bản hoặc cho, biếu, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Công bố, phổ biến hoặc cho người khác công bố, phổ biến tác phẩm kiến trúc thuộc quyền sở hữu của mình dưới các hình thức như: xuất bản, tái bản, sao chép tác phẩm; trưng bày tác phẩm trước công chúng; truyền đạt tác phẩm tới công chúng bằng bất kỳ phương tiện hoặc cách thức nào; phân phối tác phẩm hoặc bản sao tác phẩm bằng cách bán, cho thuê hoặc bằng cách khác; nhập khẩu các bản sao tác phẩm của mình từ nước ngoài vào Việt Nam, trừ trường hợp giữa tác giả và chủ sở hữu có thoả thuận khác;

- Cho hoặc không cho người khác sử dụng tác phẩm kiến trúc thuộc quyền sở hữu của mình dưới các hình thức như: xây dựng, sao chép, sao chụp lại tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp giữa tác giả và chủ sở hữu có thoả thuận khác.

Thứ hai, các quyền tài sản được chuyển giao toàn bộ hoặc một phần cho người khác theo hợp đồng bằng văn bản hoặc cho, biếu, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Xây dựng, xuất bản, tái bản, trưng bày, triển lãm;
- Cho thuê.

Việc hưởng các quyền tài sản của chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc không đồng thời là tác giả quy định tại điểm này, được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa tác giả và chủ sở hữu tác phẩm.

2.3. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

Các tác phẩm kiến trúc được bảo hộ quyền tác giả được thực hiện theo

quy định chung về điều kiện bảo hộ quyền tác giả quy định tại Điều 14 LSHTT và các điều luật khác. Theo đó, thì tác phẩm kiến trúc được bảo hộ quyền tác giả nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

2.3.1. Tính tính sáng tạo của tác phẩm kiến trúc

Theo Công ước Berne, BLDS năm 2005 và LSHTT thì điều kiện tiên quyết để bảo hộ quyền tác giả đối với một tác phẩm kiến trúc là tác phẩm phải có tính sáng tạo. Tác phẩm kiến trúc phải thể hiện là sự sáng tạo của tác giả, hay nói cách khác tác giả phải tự mình sáng tạo nên tác phẩm kiến trúc mà không sao chép từ những tác phẩm kiến trúc khác. Việc xác định tính sáng tạo của tác phẩm kiến trúc dựa trên căn cứ thể hiện quá trình lao động sáng tạo của tác giả, những điểm riêng thể hiện “*chất riêng*” do tác giả sáng tạo ra.

Tiêu chí để xác định tác phẩm gốc dựa trên cơ sở: (i) Nếu tác phẩm chứa đựng sự sao chép từ một hoặc một số tác phẩm có trước mà dấu ấn cá nhân hoặc tính cách riêng của tác giả không còn thể hiện trong tác phẩm nữa thì tác phẩm không coi là tác phẩm gốc; (ii) nếu toàn bộ hoặc một phần quan trọng của một tác phẩm có trước và đang được bảo hộ bị chiếm đoạt để sử dụng trong một tác phẩm khác, tức là bị sao chép sang một tác phẩm khác thì trong trường hợp này có sự xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm trước đó.

Đối với tác phẩm kiến trúc thì sự lao động sáng tạo trong lĩnh vực kiến trúc thể hiện ở việc dùng các chi tiết, vật liệu mới cho công trình với thiết kế hợp lý, bảo đảm cả về thẩm mỹ và công năng sử dụng của công trình. Tác giả thông qua quá trình hoạt động của trí não, kinh nghiệm của bản thân và các yếu tố hỗ trợ khác tạo ra thành quả chính là tác phẩm kiến trúc.

2.3.2. Tác phẩm được định hình dưới hình thức nhất định

Pháp luật về quyền tác giả không bảo hộ ý tưởng của tác phẩm mà chỉ bảo hộ hình thức thể hiện của tác phẩm.

Theo khoản 1 Điều 379 BLDS năm 2005 và Điều 6 LSHTT thì quyền

tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, hình thức phương tiện, ngôn ngữ, đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa. Đối với tác phẩm kiến trúc thì còn được thể hiện dưới dạng vật thể như các mô hình, sa bàn mô tả về hình dáng của công trình.

2.4. THỜI HẠN BẢO HỘ VÀ GIỚI HẠN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

2.4.1. Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là khoảng thời gian do pháp luật quy định mà trong khoảng thời gian này quyền của tác giả và của chủ sở hữu quyền tác giả được Nhà nước thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại Điều 27 LSDBSLSHTT, thời hạn bảo hộ quyền tác giả được xác định như sau:

2.4.1.1. Thời hạn bảo hộ quyền nhân thân

Các quyền tác giả được bảo hộ vô thời hạn là các quyền nhân thân gắn với tác giả và không thể chuyển giao được cho chủ thể khác. Đó là các quyền: (i) đặt tên cho tác phẩm; (ii) đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; (iii) được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; (iv) bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

2.4.1.2. Thời hạn bảo hộ quyền tài sản

Các quyền tác giả được bảo hộ có thời hạn bao gồm quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm (đây là quyền nhân thân có thể chuyển giao được) và các quyền tài sản. Thời hạn bảo hộ đối với các quyền này được xác định như sau:

Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm nói chung và tác phẩm

kiến trúc nói riêng là suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả chết; trong trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ 50 sau năm đồng tác giả cuối cùng chết.

Đối với tác phẩm kiến trúc khuyết danh (tác phẩm mà tác giả không đứng tên trên tác phẩm đó hoặc chỉ đề ký hiệu mà ký hiệu này không đủ để xác định chính xác về tác giả của tác phẩm) thì thời hạn bảo hộ là 75 năm kể từ ngày tác phẩm đó được công bố lần đầu tiên (khoản 8 Điều 1 LSĐBSLSHTT). Trong thời hạn bảo hộ này, người được hưởng quyền đối với tác phẩm khuyết danh là Nhà nước, trong trường hợp tác phẩm khuyết danh do các tổ chức, cá nhân đang quản lý thì tổ chức, cá nhân đó được hưởng quyền đối với tác phẩm. Khi các thông tin về tác giả xuất hiện trong thời hạn 75 năm kể từ khi tác phẩm kiến trúc khuyết danh được công bố lần đầu tiên đủ để xác định danh tính tác giả, chủ sở hữu tác phẩm khuyết danh thì các quyền đối với tác phẩm đó thuộc về họ và sẽ được bảo hộ kể từ ngày danh tính của họ được xác định cho đến 75 năm sau khi họ chết.

Việc quy định thời hạn bảo hộ đối với tác phẩm như vậy một mặt nhằm đảm bảo quyền, lợi ích cho tác giả trong việc khai thác giá trị kinh tế của tác phẩm để mang lại thu nhập cho mình cũng như được lại tác phẩm như một di sản thừa kế và người thừa kế sẽ tiếp tục khai thác giá trị kinh tế của tác phẩm này cho đến khi nó hết thời hạn bảo hộ. Mặt khác, bằng việc quy định sau khi hết thời hạn bảo hộ thì tác phẩm hoàn toàn thuộc về công chúng, quy định này cũng đã cân bằng được quyền, lợi ích của tác giả với lợi ích của xã hội. Việc công chúng được sở hữu tác phẩm hết thời hạn bảo hộ góp phần thúc đẩy các tác giả (các kiến trúc sư) tiếp tục sáng tạo ra những tác phẩm mới độc đáo hơn, có sức sống hơn, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành khoa học kiến trúc nói riêng và thúc đẩy sự phát triển của xã hội nói chung.

2.4.2. Giới hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc được trao

những quyền mang tính độc quyền. Việc thực hiện các quyền này có thể bóp méo cạnh tranh và hạn chế khả năng tiếp cận của cộng đồng đối với các sản phẩm sáng tạo. Bởi vậy, một số quy định được ban hành nhằm cân bằng giữa bảo hộ quyền tác giả nói chung, quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng nhằm duy trì cạnh tranh lành mạnh; cân bằng giữa bảo vệ lợi ích của chủ thể nắm giữ quyền tác giả với bảo vệ lợi ích của người sử dụng của cộng đồng. Các quy định về giới hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cho phép trong những trường hợp nhất định cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng tác phẩm được công bố mà không phải xin phép, không phải trả tiền cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm. Cùng với Công ước Berne, pháp luật các nước khác đều có quy định về giới hạn quyền tác giả. Theo quy định tại khoản 2 Điều 25, 26 LSHTT thì việc giới hạn quyền tác giả phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Không làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường của tác phẩm;
- Không ảnh hưởng tới lợi ích chính đáng của tác giả;
- Đảm bảo thông tin về tác giả, nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.

Theo khoản 6 Điều 1 LSĐBSLSHTT thì các trường hợp cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng tác phẩm kiến trúc được công bố mà không phải xin phép, không phải trả tiền cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc gồm có:

- Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình;
- Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu;
- Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại;
- Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm kiến trúc trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó;
- Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;

- Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

Theo khoản 7 Điều 1 LSĐBSLSHTT, thì các trường hợp cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng tác phẩm kiến trúc được công bố mà không phải xin phép, phải trả tiền cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc gồm có:

- Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố để phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép, nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc kể từ khi sử dụng. Mức nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác và phương thức thanh toán do các bên thoả thuận; trường hợp không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc khởi kiện tại Toà án theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố để phát sóng không có tài trợ, quảng cáo hoặc không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép, nhưng phải trả tiền nhuận bút, nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc kể từ khi sử dụng theo quy định của Chính phủ.

Tuy nhiên, việc sử dụng tác phẩm kiến trúc không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.

Việc LSHTT, LSĐBSLSHTT quy định các trường hợp cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng tác phẩm kiến trúc được công bố mà không phải xin phép, không phải trả tiền cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc và các trường hợp cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng tác phẩm kiến trúc được công bố mà không phải xin phép, phải trả tiền cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc như trên là nhằm mục đích cân bằng, hài hòa giữa quyền, lợi ích hợp

pháp của tác giả và các cá nhân, tổ chức khác, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành báo chí, truyền hình và công tác nghiên cứu khoa học phát triển.

2.5. CHUYỂN GIAO QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

Đối tượng của quyền tác giả là kết quả sáng tạo do con người tạo ra, có đặc trưng là khả năng tiếp cận và truyền bá rộng rãi trong cộng đồng. Ví dụ: Một tác phẩm có thể được phổ biến toàn cầu để công chúng thuộc các dân tộc, tôn giáo, quốc gia khác nhau tiếp cận. Bên cạnh một số lượng rất nhỏ các hành vi sử dụng với mục đích phi thương mại (như để giảng dạy, nghiên cứu, sử dụng cá nhân), hầu hết các hành vi sử dụng của các chủ thể khác đều với mục đích kinh doanh.

Xét về góc độ kinh tế, quyền tác giả được coi như một loại tài sản, là đối tượng của các giao dịch chuyển giao quyền sở hữu hay chuyển giao quyền sử dụng. Trong 02 nhóm quyền là quyền nhân thân và quyền tài sản thì chỉ có quyền nhân thân là mang yếu tố tinh thần, luôn gắn liền với tác giả (ngoại trừ quyền công bố) nên các quyền này được bảo hộ vĩnh viễn và không thể chuyển giao được. Vì vậy, đối tượng của các giao dịch chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan chủ yếu chỉ bao gồm các quyền tài sản. Quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là một loại quyền tác giả. Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ có hai hình thức chuyển giao quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc như sau

2.5.1. Chuyển nhượng quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Chuyển nhượng quyền tác giả là việc chủ sở hữu quyền tác giả chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền tài sản thuộc quyền tác giả, quyền liên quan (riêng quyền tác giả còn bao gồm cả chuyển giao quyền công bố tác phẩm) cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

Quyền tác giả với tư cách là một loại tài sản, theo quy định tại Điều 742 và Điều 743 của BLDS, Điều 45 và Điều 46 của LSHTT có thể được chuyển nhượng cho người khác qua các hình thức: Để lại thừa kế; tặng cho; trao đổi

và mua bán. Theo đó, hình thức chuyển nhượng quyền tác giả phổ biến nhất là hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả (Điều 46). Bản chất của hợp đồng này giống như hợp đồng mua bán tài sản. Thông qua hợp đồng chuyển nhượng, chủ sở hữu quyền tác giả chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác.

2.5.1.1. Chủ thể của hợp đồng

Các bên tham gia giao kết hợp đồng bao gồm bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng quyền tác giả.

Thứ nhất, bên chuyển nhượng. Cũng giống như quy định chung đối với chủ thể của hợp đồng mua bán, bên chuyển nhượng quyền tác giả phải là chủ sở hữu hoặc là người được chủ sở hữu ủy quyền. Bên chuyển nhượng quyền tác giả có thể bao gồm:

- Tác giả đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả;
- Chủ sở hữu quyền tác giả không đồng thời là tác giả như cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ hoặc giao kết hợp đồng với tác giả; người thừa kế, người được chuyển giao quyền tác giả,...

Trong trường hợp tác phẩm có đồng chủ sở hữu thì việc chuyển nhượng phải có sự thỏa thuận của tất cả các đồng chủ sở hữu. Kèm theo hợp đồng chuyển nhượng phải có văn bản ủy quyền thể hiện ý chí chung của tất cả các đồng chủ sở hữu cho phép người đại diện được giao kết hợp đồng.

Tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả không phải là chủ thể của hợp đồng vì theo quy định của pháp luật thì họ chỉ được hưởng các quyền nhân thân mà không có quyền đối với các quyền tài sản, do vậy, họ không thể chuyển giao các quyền mà họ không có này cho người khác được.

Thứ hai, bên được chuyển nhượng. Là các cá nhân, tổ chức có nhu cầu sở hữu quyền tác giả để sử dụng vào mục đích khai thác của họ và được chuyển nhượng các quyền tài sản. Sau khi được chuyển nhượng quyền tác giả, bên được chuyển nhượng trở thành chủ sở hữu đối với các quyền đó.

2.5.1.2. Đối tượng của hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả là quyền công bố tác phẩm và các quyền tài sản khác thuộc quyền tác giả như: quyền làm tác phẩm phái sinh; quyền sao chép; quyền phân phối, quyền nhập khẩu bản sao tác phẩm; quyền truyền đạt đến công chúng bằng bất kỳ phương tiện nào. Quyền công bố tác phẩm tuy là quyền nhân thân nhưng cùng với các quyền tài sản khác luôn là đối tượng của các hợp đồng chuyển giao quyền tác giả.

Khác với hợp đồng chuyển nhượng tài sản thông thường, chuyển nhượng quyền tác giả không có nghĩa là chủ sở hữu quyền tác giả phải chuyển giao toàn bộ các quyền của mình và chấm dứt hoàn toàn quyền sở hữu. Chủ sở hữu quyền tác giả có thể chuyển giao một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản thuộc quyền tác giả cho cá nhân, tổ chức khác.

2.5.1.3. Hình thức và nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả

Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả bắt buộc phải được lập thành văn bản, có chữ ký của bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng. Việc lập văn bản hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp hợp đồng nếu có xảy ra vì quyền, nghĩa vụ của các bên được thể hiện rõ ràng.

Nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả là vấn đề quan trọng nhất của hợp đồng này. Theo quy định tại Điều 46 LSHHTT nội dung của hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả phải bao gồm các điều khoản chủ yếu sau đây:

- Các bên tham gia ký kết hợp đồng (ghi tên, số chứng minh thư/hộ chiếu... Trường hợp đồng chủ sở hữu thì phải có giấy ủy quyền kèm theo).
- Các căn cứ chuyển nhượng;
- Đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng (ghi cụ thể các quyền được

chuyển nhượng; những quyền đó liên quan đến tác phẩm kiến trúc nào nào, loại hình, tác giả, đã công bố hay chưa công bố...).

- Giá và phương thức thanh toán;

- Quyền và nghĩa vụ giữa các bên (ghi cụ thể các quyền và nghĩa vụ cụ thể của bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng).

- Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng (ghi cụ thể việc phạt vi phạm, trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu có).

- Phương thức giải quyết tranh chấp (ghi rõ việc giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng giữa các bên, thông qua Trọng tài hay thông qua Tòa án).

2.5.2. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là việc chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ các quyền tài sản bao gồm cả quyền công bố tác phẩm của chủ sở hữu quyền tác giả. So với hình thức chuyển nhượng quyền tác giả thì chuyển quyền sử dụng quyền tác giả là hình thức giao dịch phổ biến hơn. Nếu như bằng việc chuyển nhượng quyền tác giả, chủ sở hữu sẽ chấm dứt hoàn toàn quyền tác giả thì với việc chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, chủ sở hữu có thể cho phép nhiều chủ thể khác nhau cùng sử dụng, khai thác mà không bị mất quyền. Việc chuyển quyền sử dụng quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc được quy định tại Điều 742 và Điều 743 của BLDS, Điều 47 và Điều 48 của LSHTT.

2.5.2.1. Chủ thể của hợp đồng

Trong hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, có hai bên chủ thể là:

- Bên cho phép sử dụng quyền tác giả: Bên cho phép sử dụng quyền tác giả phải là chủ sở hữu quyền tác giả hoặc người được chủ sở hữu ủy quyền thực hiện các quyền của mình.

Trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay đang có xu hướng chủ sở hữu

quyền tác giả tham gia vào các hiệp hội nghề nghiệp là các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả và chủ sở hữu thường ủy quyền cho các tổ chức này giám sát việc sử dụng tác phẩm của họ, thỏa thuận với những người sử dụng tiềm năng để cấp phép sử dụng, thu tiền nhuận bút, thù lao và phân bổ khoản tiền ấy cho chủ sở hữu quyền. Vì vậy, các tổ chức quản lý tập thể này cũng có thể là một bên trong hợp đồng chuyển quyền sử dụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu quyền tác giả.

- Bên được sử dụng quyền tác giả: Là các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng.

2.5.2.2. Nội dung của hợp đồng

Trong hợp đồng sử dụng quyền tác giả, theo Điều 48 LSHTT cần lưu ý một số điều khoản quan trọng:

- Phạm vi quyền được chuyển giao: là phạm vi quyền tác giả, quyền liên quan mà chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan cho phép bên kia sử dụng, bao gồm các vấn đề cơ bản như:

+ Xác định rõ loại quyền, số lượng quyền được chuyển giao;

+ Phạm vi sử dụng: độc quyền hay không độc quyền;

+ Giới hạn sử dụng (về số lượng, lãnh thổ, thời gian, khu vực, thị trường, phương tiện truyền thông,...):

+ Nhuận bút, thù lao và phương thức thanh toán: Chủ sở hữu tác phẩm sẽ được nhận nhuận bút, thù lao trực tiếp hay gián tiếp qua các tổ chức quản lý tập thể đại diện cho quyền lợi của họ.

- Quyền và nghĩa vụ của các bên. Đây là căn cứ để thực hiện hợp đồng và giải quyết khi có tranh chấp.

2.6. BẢO VỆ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

2.6.1. Xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

2.6.1.1 Các dạng hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Trong thực tế, hành vi vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học,

khoa học và nghệ thuật rất phức tạp và xảy ra thường xuyên với nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Theo quy định tại Điều 28 LSHTT thì các dạng hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học bao gồm:

- Chiếm đoạt quyền tác giả đối với tác phẩm;
- Mạo danh tác giả;
- Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả;
- Công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó;
- Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả;
- Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, trừ trường hợp tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân hoặc sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu;
- Làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh, trừ trường hợp chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;
- Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả, không trả tiền nhuận bút, thù lao, quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật, trừ những trường hợp được sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao như tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân; trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình; trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu; trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác

giả, không nhằm mục đích thương mại; sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu; biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền cổ động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào; ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy; chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó; chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị; nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng (quy định tại khoản 1 Điều 25 của LSHTT);

- Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả;

- Nhân bản, sản xuất bản sao, phân phối, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông và các phương tiện kỹ thuật số mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả;

- Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả;

- Cố ý huỷ bỏ hoặc làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình;

- Cố ý xoá, thay đổi thông tin quản lý quyền dưới hình thức điện tử có trong tác phẩm;

- Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị đó làm vô hiệu các biện pháp kỹ thuật do chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình;

- Làm và bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo;

- Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bản sao tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả.

Như vậy, theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện

hành thì hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học rất đa dạng. Tác phẩm kiến trúc là một loại hình của tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học vì vậy hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cũng rất đa dạng và bao gồm các dạng pháp luật quy định nêu trên.

2.6.1.2. Căn cứ xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Trước khi LSHTT được ban hành các văn bản pháp luật không quy định cụ thể các căn cứ xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học nên trong nhiều trường hợp việc xác định hành vi xâm phạm gặp khó khăn, vướng mắc do thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng. Từ khi LSHTT và các văn bản hướng dẫn được ban hành thì các căn cứ xác định hành vi xâm phạm và yếu tố xâm phạm quyền tác giả được quy định cụ thể trong LSHTT và Nghị định 105/2006/NĐ-CP đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả. Theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều và Điều 7 của Nghị định 105/2006/NĐ-CP thì bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc khi có đủ các căn cứ sau đây: Đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi các đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; có yếu tố xâm phạm trong đối tượng bị xem xét; người thực hiện hành vi bị xem xét không phải là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và không phải là người được pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của LSHTT và hành vi bị xem xét xảy ra tại Việt Nam. Việc xác định tác phẩm được bảo hộ được thực hiện bằng cách xem xét các tài liệu, chứng cứ chứng minh căn cứ phát sinh, xác lập quyền theo quy định tại Điều 6 của LSHTT. Yếu tố xâm phạm quyền tác giả có thể thuộc một trong các dạng sau đây: Bản sao tác phẩm được tạo ra một cách trái phép; tác phẩm phái sinh được tạo ra một cách trái phép; tác phẩm giả mạo tên, chữ ký của tác giả, mạo danh hoặc

chiếm đoạt quyền tác giả; phần tác phẩm bị trích đoạn, sao chép, lắp ghép trái phép và sản phẩm có gắn thiết bị kỹ thuật bảo vệ quyền tác giả bị vô hiệu hoá trái phép. Tuy vậy, trong pháp luật Việt Nam hiện hành chưa có các quy định riêng về xác định các vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc vì vậy việc xác định các vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc được thực hiện căn cứ vào các quy định này.

2.6.2. Các biện pháp bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Biện pháp bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là những cách thức được chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả của tác phẩm kiến trúc hoặc được Nhà nước sử dụng để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc khi quyền này bị xâm phạm. Pháp luật nước ta quy định việc bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật nói chung và quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng bằng các biện pháp như biện pháp dân sự, biện pháp hành chính, biện pháp hình sự và biện pháp kiểm soát biên giới. Việc quy định nhiều biện pháp bảo vệ khác nhau xuất phát từ chính sự phong phú, đa dạng của các hành vi xâm phạm quyền tác giả. Hơn nữa, quy định nhiều biện pháp bảo vệ quyền tác giả còn nhằm xử lý hiệu quả hành vi xâm phạm bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm.

Các biện pháp bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc được quy định trong LSHTT và các văn bản pháp luật khác như BLDS, Bộ luật Hình sự, Luật Thương mại v.v... Khi có hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, việc xác định biện pháp nào sẽ được áp dụng để bảo vệ quyền sở hữu dựa vào sự lựa chọn của chủ thể của quyền tác giả bị xâm phạm và tính chất, mức độ xâm phạm.

2.6.2.1. Biện pháp dân sự

Biện pháp dân sự được ghi nhận tại Điều 9 BLDS năm 2005 và được cụ

thể hoá tại các điều từ Điều 202 đến Điều 210 của LSHTT (Chương XVII của LSHTT). Tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc có quyền tự bảo vệ để quản lý, chống khai thác, sử dụng tác phẩm kiến trúc nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm. Các biện pháp mà tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc có thể thực hiện để ngăn ngừa hành vi xâm phạm là biện pháp truyền thống như cất giữ, quản lý các tài liệu, thông tin về tác phẩm, hoặc sử dụng phương tiện, biện pháp kỹ thuật, biện pháp công nghệ nhằm đánh dấu, nhận biết, phân biệt tác phẩm được bảo hộ.

Khi bị người khác xâm hại quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm kiến trúc thì tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc có quyền yêu cầu người có hành vi xâm hại chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại tùy theo tính chất, mức độ của hành vi và hậu quả do hành vi đó gây ra. Trường hợp người có hành vi xâm hại không thực hiện yêu cầu của mình thì tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự yêu cầu Tòa án có thẩm quyền buộc người có hành vi xâm hại chấm dứt hành vi xâm hại và bồi thường thiệt hại do hành vi đó gây ra.

2.6.2.2. Biện pháp hành chính

Biện pháp hành chính được ghi nhận tại Điều 9 BLDS năm 2005, Điều 211 của LSHTT và được cụ thể hóa tại các điều từ Điều 28 đến Điều 33 của Nghị định 105/2006/NĐ-CP. Theo các quy định này thì tác giả, chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc khi bị người khác xâm hại quyền tác giả, quyền sở hữu tác phẩm có quyền yêu cầu hoặc khiếu nại Thanh tra Nhà nước về Văn hoá - Thông tin (Thanh tra Bộ Văn hoá - Thông tin, Thanh tra Sở Văn hoá - Thông tin) hoặc Tòa án nhân dân để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Cá nhân, tổ chức khi phát hiện hành vi xâm hại quyền tác giả, quyền chủ sở hữu tác phẩm kiến trúc, có quyền gửi đơn khiếu nại, tố cáo đến Bộ

Văn hoá - Thông tin (Cục Bản quyền tác giả), Sở Văn hoá - Thông tin hoặc các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Cục Bản quyền tác giả Bộ Văn hoá - Thông tin, Sở Văn hoá - Thông tin phối hợp với Vụ Quản lý Kiến trúc và Quy hoạch Bộ Xây Dựng, Thanh tra chuyên ngành xây dựng, Sở Xây dựng hoặc Sở Quy hoạch và Kiến trúc xử lý theo thẩm quyền.

2.6.2.3. Biện pháp hình sự

Ngoài biện pháp hành chính, quyền tác giả còn có thể được thực thi qua biện pháp hình sự. Việc xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc bằng biện pháp hình sự được ghi nhận tại Điều 211 của LSHTT và thực hiện thông qua hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử theo trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng hình sự quy định. Đối với cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả có yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại Điều 131 BLHS thì phải được xử lý bằng biện pháp hình sự nhằm mục đích răn đe, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật nói chung và ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ nói riêng.

2.6.2.4. Biện pháp kiểm soát biên giới

Đây là biện pháp được thực hiện thông qua hoạt động của cơ quan hải quan. Theo quy định của LSHTT và Luật Hải quan thì cơ quan hải quan được quyền thực hiện các biện pháp sau đây để kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc:

- Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền tác giả. Biện pháp này được tiến hành theo yêu cầu của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả nhằm thu thập thông tin, chứng cứ để tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền hoặc yêu cầu biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm hành chính (khoản 2 Điều 216 LSHTT, khoản 1 Điều 57 Luật Hải quan).

- Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm

quyền tác giả. Biện pháp này được cơ quan hải quan tiến hành theo đề nghị của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả nhằm thu thập thông tin để thực hiện quyền yêu cầu áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan.

Kết luận chương 2

Qua những vấn đề trình bày, phân tích ở Chương này cho thấy, BLDS năm 2005, LSHTT, LSĐBSLHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành được ban hành đã làm cho các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt nam hiện hành về quyền tác giả ngày càng phát triển hoàn thiện hơn. Nội dung các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt nam hiện hành về quyền tác giả đã quy định khá đầy đủ, cụ thể về các vấn đề liên quan đến quyền tác giả từ vấn đề chủ thể quyền tác giả, điều kiện bảo hộ quyền tác giả, nội dung quyền tác giả, thời hạn và giới hạn bảo hộ quyền tác giả đến vấn đề chuyển nhượng quyền tác giả, chuyển nhượng quyền sử dụng quyền tác giả và bảo vệ quyền tác giả. Tuy nhiên, trong các văn bản pháp luật này còn quá ít các quy định riêng về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc.

Quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cũng là một loại quyền cụ thể của quyền tác giả. Vì vậy, hiện nay các quy định về quyền tác của BLDS năm 2005, LSHTT, LSĐBSLHTT cũng được áp dụng cả cho quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Tuy các quy định này chưa cụ thể, chưa thể hiện được tính đặc thù của việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nhưng nó cũng đã thực sự là công cụ pháp lý hữu hiệu khuyến khích sự sáng tạo và để các cá nhân, tổ chức sử dụng bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc của mình.

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

3.1.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Trong thời gian qua, bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, trong đó có quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc, Việt Nam cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức thực thi các quy định này. Sau khi LSHTT được ban hành ngoài việc xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành đạo luật này, Nhà nước cũng đã tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về sở hữu trí tuệ. Việc tuyên truyền và giáo dục pháp luật về sở hữu trí tuệ được diễn ra liên tục ở cả Trung ương và các địa phương. Theo Báo cáo của Cục Bản quyền tác giả tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2014 và triển khai chương trình công tác năm 2015 thì năm 2014 Cục Bản quyền tác giả đã tổ chức và phối hợp với các đơn vị tổ chức 16 hội nghị tập huấn về quyền tác giả, quyền liên quan. Đưa các nội dung văn bản quy phạm pháp luật và các thông tin về hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan lên Website Quyền tác giả Việt Nam; phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, trong đó có Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và truyền hình Đà Nẵng, Báo Nhân dân... tuyên truyền nâng cao nhận thức về quyền tác giả quyền liên quan. Ngày 31/3/2015, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với BSA/Liên minh phần mềm tổ chức Lễ công bố chương trình Tháng hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4:

Mục tiêu là nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức của công chúng trong việc xác lập, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ; khuyến khích sáng tạo, đổi mới, ứng dụng khoa học công nghệ tăng năng suất lao động, phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động chủ yếu của “Tháng hưởng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4” sẽ tập trung vào việc phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ [61].

Qua đó, đã giúp cho mọi người nâng cao nhận thức, kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ, trong đó có quyền tác giả và quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc ngày một tốt hơn.

Trong quản lý nhà nước thi hành pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, đã tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức. Sự phối hợp này đã được đặt ra bất cứ khi nào công tác tổ chức thực thi quyền tác giả cần có sự tham gia của hơn một cơ quan, tổ chức. Sự phối hợp này được thực hiện theo cả chiều ngang và chiều dọc như giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với các bộ, ngành khác, giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với các Sở Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân các cấp. Ngoài ra, còn tăng cường sự hợp tác quốc tế trong việc thực thi quyền tác giả:

Nhằm thúc đẩy các hoạt động phát triển sở hữu trí tuệ cũng như cam kết tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trong lĩnh vực này, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc WIPO đã tới thăm và làm việc với các vị Lãnh đạo cao cấp của Việt Nam. Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã có các cuộc tiếp xúc và làm việc với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc WIPO để bàn về hợp tác giữa WIPO và Việt Nam trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan. Với các hoạt động tích cực của mình, Việt Nam đã được bầu vào Ủy ban Thường trực về quyền tác giả và quyền liên quan của WIPO 2 nhiệm kỳ liên tiếp 2011-2013 và 2013 - 2015. Đặc biệt, tại Đại

hội đồng WIPO thường niên lần thứ 54 vừa diễn ra cuối tháng 9 năm 2014 tại Geneva, Việt Nam được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Điều phối của WIPO [61].

Qua đó đã giải quyết được những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn và nâng cao được hiệu quả của việc thi hành các quy định của pháp luật về quyền tác giả.

Ngoài ra, nhiều tổ chức đại diện tập thể đã được thành lập (các trung tâm bảo vệ quyền tác giả) để hỗ trợ các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Nhờ đó, đã giúp cho việc thực thi quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả được tốt.

Nhiều tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã thực hiện nghĩa vụ xin phép, thanh toán nhuận bút, nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất cho chủ sở hữu. Các cam kết tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO) của Việt Nam, các điều ước quốc tế đang có hiệu lực tại Việt Nam đã và đang từng bước được thực hiện có kết quả, bảo vệ được quyền, lợi ích của công dân và thực hiện nghĩa vụ pháp lý khi sử dụng tác phẩm của công dân, pháp nhân các nước thành viên. Các thành tựu đạt được là đáng trân trọng; nó là kết quả của hoạt động lập pháp, thực thi và chính sách hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước [61].

Việc việc đăng ký và cấp chứng nhận bảo hộ quyền tác giả và giải quyết các tranh chấp, khiếu nại để bảo vệ quyền tác giả cũng đạt được kết quả đáng khích lệ. *“Từ năm 2005 đến nay, việc đăng ký và cấp chứng nhận bảo hộ tăng bình quân hằng năm 20%”* [65]. Riêng năm 2014, Cục Bản quyền tác giả đã:

Thụ lý, cấp hơn 4800 Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan. Tiếp nhận, thụ lý 25

vụ việc khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả, quyền liên quan; đã giải quyết dứt điểm 23 vụ việc; số vụ việc còn lại đang trong quá trình giải quyết theo trình tự, thủ tục. Tiếp nhận, trả lời 15 trường hợp liên quan đến đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan: Văn thư về tra cứu, khiếu nại, thủ tục hồ sơ đăng ký, hồ sơ thông báo hoạt động tư vấn, dịch vụ về quyền tác giả, quyền liên quan [61].

Theo đánh giá chung của nhiều học giả, trong thời gian qua bên cạnh việc nỗ lực trong việc xây dựng pháp luật sở hữu trí tuệ, làm cho pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, ký kết các hiệp định song phương liên quan đến quyền tác giả như: Hiệp định Thiết lập quan hệ quyền tác giả Việt Nam - Hoa Kỳ; Hiệp định giữa Việt Nam và Thụy Sĩ về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, chúng ta cũng đã nộp đơn gia nhập Công ước Bern, Công ước Ginevơ, Công ước Brussels cũng như tuân thủ các quy định của Hiệp định TRIPS thì việc triển khai thi hành pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực [65].

3.1.2. Những hạn chế bất cập trong việc thực hiện các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Qua khảo sát thực tiễn thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, trong đó có quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cho thấy bên cạnh những thành tựu đạt được thì vẫn còn tồn tại không ít những hạn chế, bất cập.

Công tác bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong thời gian qua đã đạt được nhiều tiến bộ quan trọng nhờ sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, các ngành. Tuy nhiên, tình trạng xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan vẫn tiếp tục diễn ra ở nhiều lĩnh vực, đặc biệt là tình trạng vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số và Internet. Chính vì vậy, Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị

số 36/2008/CT-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 về tăng cường quản lý và thực thi bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan [61].

Những hạn chế, bất cập về thực thi quyền tác giả có thể chia thành ba loại sau:

Thứ nhất, việc đăng ký cấp chứng nhận bảo hộ quyền tác giả chưa được tác giả, chủ sở hữu tác phẩm và cơ quan có thẩm quyền quan tâm thực hiện. Quyền tác giả, bao gồm các quyền nhân thân và quyền tài sản, được xác lập ngay khi tác phẩm được sáng tạo và định hình dưới một hình thức vật chất nhất định. Tuy vậy, việc đăng ký cấp chứng nhận bảo hộ quyền tác giả có ý nghĩa rất lớn trong việc bảo vệ quyền tác giả nhất là trong trường hợp có tranh chấp. Thời gian qua việc đăng ký cấp chứng nhận bảo hộ quyền tác giả, đặc biệt là việc đăng ký cấp chứng nhận bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc còn ít. Tuy theo số liệu thống kê mỗi năm việc đăng ký cấp chứng nhận bảo hộ quyền tác giả hàng năm có tăng nhưng so với số tác phẩm thực tế của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm thì số lượng tác phẩm được đăng ký cấp chứng nhận bảo hộ quyền tác giả chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Các tác giả, chủ sở hữu tác phẩm hầu như không đăng ký cấp chứng nhận bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc được sở hữu. Theo tiến sĩ Lê Xuân Thảo, ngay cả một số nhà khoa học cũng phản đối việc đăng ký bảo hộ [65]. Tuy vậy, việc phổ biến, tạo các điều kiện thuận lợi cho người dân đăng ký cấp chứng nhận bảo hộ quyền tác giả cũng chưa được làm tốt. Các cơ quan có thẩm quyền chưa chủ động trong việc đăng ký dường như còn thụ động chờ đợi người dân đến đăng ký.

Thứ hai, khai thác, sử dụng các quyền của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, trong đó có quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc không được sự đồng ý của của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, diễn ra khá phổ biến. “*Xâm phạm quyền SHTT ngày càng trở nên tinh vi hơn, thực hiện với nhiều loại đối tượng SHTT, nhiều loại hàng hóa, dịch vụ*” [61]. Đặc biệt, trong điều kiện phát triển

của công nghệ thông tin ngày nay thì các vi phạm về quyền tác giả diễn ra ngày càng tăng và mức độ càng nghiêm trọng. Theo các nhà chuyên môn, các vi phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc diễn ra ở nhiều hình thức như sử dụng, chụp ảnh, photocopy bản vẽ thiết kế, mô hình kiến trúc v.v... Trong đó, hình thức phổ biến là xu hướng “*nhại kiến trúc*” như xu hướng nhại kiến trúc địa phương Pháp thường được áp dụng trong thiết kế trường học và nhiều biệt thự, thậm chí là mặt tiền nhà liền kề [60], ví dụ như thiết kế Trường Trung học Cơ sở Chu Văn An, Gia Lai.

Thứ ba, việc bảo vệ quyền tác giả, trong đó có trong đó có việc bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc khi bị vi phạm hoặc tranh chấp cũng chưa được thực hiện một cách hiệu quả. Trên thực tế, các vi phạm xâm phạm quyền tác giả diễn ra khá nhiều, phức tạp và dưới nhiều hình thức tuy vậy rất ít các vụ việc bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý. Những tranh chấp về quyền tác giả được đưa ra Tòa án giải quyết lại càng ít, hầu như không có.

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao từ tháng 7 năm 2006 cho đến tháng 6 năm 2012 các Tòa án chỉ thụ lý được 92 vụ án tranh chấp về quyền tác giả [60]. Trong đó, số vụ tranh chấp về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc còn hạn chế hơn, mới dừng lại ở một vụ việc nhỏ lẻ. Gần đây, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mới thụ lý một vụ tranh chấp tác phẩm kiến trúc giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Minh, Giám đốc Công ty Cổ phần làng mộc Văn Hà (trụ sở tại huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) và ông Lê Văn Vĩnh (Tổng giám đốc Vinahouse (huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam) và bị đơn là Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Tường Phát (gọi tắt là công ty Tường Phát, trụ sở ở Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng) [61]. Vụ tranh chấp này liên quan đến Bản vẽ thiết kế Khu nhà trường Việt Nam, Nhà 5 gian 2 chái, Nhà vọng nguyệt lục giác và Cổng tam quan cổ lầu của 02 tác giả đã được Cục bản quyền tác giả (Bộ Văn hóa-Thể thao-Du lịch) cấp giấy chứng nhận quyền tác giả.

Bên cạnh việc đưa ra Tòa án giải quyết khi quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc bị xâm phạm, các chủ thể quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cũng lựa chọn phương thức khiếu nại tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cụ thể là gần đây có vụ việc anh Phạm Văn Tiệp, một doanh nhân, vừa gửi đơn khiếu nại lên Sở Giao thông Vận tải Hà Nội với lý do Sở Giao thông Vận tải Hà Nội đã xâm phạm quyền tác giả đối với “*Giao diện mềm nhằm giảm ùn tắc giao thông đô thị Hà Nội trong giai đoạn hiện nay*” (thiết kế mô hình giao thông theo nguyên lý chuyển động liên tục của bộ môn dưỡng sinh) của anh được Cục Bản quyền tác giả cấp giấy chứng nhận quyền tác giả từ tháng 7-2008 [62].

Tuy vậy, việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả của các cơ quan có thẩm quyền cũng chưa thật hiệu quả. Trên thực tế có vụ việc đương yêu cầu Tòa án giải quyết bảo vệ quyền tác giả của mình đối với tác phẩm kiến trúc nhưng không đúng bị đơn và Tòa án đã máy móc xử quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện vì cho rằng nguyên đơn kiện không đúng bị đơn mà không giải thích cho đương sự thay đổi bị đơn trong đơn kiện như vụ án tranh chấp về tác giả của Đề án kiến trúc chợ đêm Bến Thành giữa nguyên đơn là ông Trần Khoan Dũng, cư trú tại 26/39 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và bị đơn là ông Nguyễn Ngọc Tuấn, cư trú tại 72/72 Bạch Đằng, phường 24, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý chợ Bến Thành. Trong Vụ án này, Bản án sơ thẩm số 787/DSST ngày 24/04/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã bác toàn bộ yêu cầu của ông Trần Khoan Dũng đối với ông Nguyễn Ngọc Tuấn về với lý do ông này chỉ là đại diện của Ban quản lý chợ Bến Thành [37].

3.1.3. Nguyên nhân của những hạn chế , bất cập trong việc thực hiện các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Qua nghiên cứu cho thấy , sở dĩ có những hạn chế , bất cập trong việc thực hiện các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nêu trên là do sở hữu trí tuệ thuộc một lĩnh vực mới được biết đến ở Việt Nam, trong khi đó lại liên quan đến nhiều vấn đề kỹ thuật phức tạp. Mặt khác, các quy định của pháp luật về quyền tác giả cũng chưa hoàn chỉnh, nhận thức của người dân, của cộng đồng về quyền tác giả còn hạn chế, việc tổ chức thi hành và bảo vệ quyền tác giả còn chưa hiệu quả , năng lực cán bộ quản lý , tổ chức thực thi và xét xử , giải quyết khiếu nại và tố cáo để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc.

3.1.3.1. Các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc và các quy định của pháp luật về xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc chưa hoàn chỉnh

Những năm qua Việt Nam đã có nhiều nỗ lực cố gắng trong việc xây dựng và ban hành các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và các quy định của pháp luật về xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả . Nhờ đó mà việc thực thi và bảo vệ quyền tác giả, trong đó có quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc ngày một hoàn thiện hơn. Tuy vậy, qua thực hiện trên thực tế các quy định này cũng cho thấy nhiều vấn đề chưa được quy định hoặc quy định chưa thực sự được khoa học.

Thứ nhất, BLDS năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Việt Nam chưa quy định cụ thể và toàn diện hệ thống các nguyên tắc cơ bản của việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Tuy vậy, trong LSHTT và LSĐBSLSHTT lại không quy định các nguyên tắc thực thi quyền sở hữu

trí tuệ mà Chương thứ XVI mới chỉ “*Quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ*” nên hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về quyền tác giả chưa cao.

So sánh các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam với pháp luật sở hữu trí tuệ của Châu Âu và quy định của Hiệp định TRIPS sẽ thấy sự khác biệt về nguyên tắc thực thi quyền sở hữu trí tuệ của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế. Pháp luật sở hữu trí tuệ của Châu Âu và quy định của Hiệp định TRIPS đưa ra các yêu cầu rất rõ ràng về việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đó là những tiêu chí cần phải đạt được cho việc vận hành cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Ngược lại, pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam chỉ quy định chung về thực thi quyền sở hữu trí tuệ và coi đó là những nguyên tắc thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Những quy định này không trực tiếp chỉ ra các yêu cầu tổng quát được coi là những tiêu chuẩn mà hệ thống thực thi quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam phải đạt được trên cơ sở hài hoà với nguyên tắc chung đã được ấn định trong Hiệp định TRIPS. Ngoài một số vấn đề được đề cập như quyền yêu cầu, các biện pháp chế tài và thủ tục thực thi, các biện pháp tự bảo vệ quyền... thì các vấn đề khác được quy định chưa phải là nguyên tắc thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Thứ hai, quy định của Thông tư liên tịch số 04/2003/TTLT/BVHTT-BXD về việc tác phẩm kiến trúc là các bản vẽ kiến trúc, mô hình, sa bàn chứ không phải một tòa nhà có hình khối kiến trúc là chưa thực sự hợp lý và đã tạo kẽ hở pháp lý cho việc bảo hộ quyền của tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Theo quy định này thì tác giả có quyền cho hoặc không cho người khác sử dụng tác phẩm của mình dưới hình thức như xây dựng, sao chép, sao chụp lại tác phẩm kiến trúc (ở đây là bản vẽ, mô hình, sa bàn) dưới bất kỳ hình thức nào. Chủ sở hữu quyền tác giả có quyền cấm sao chụp bản vẽ, mô hình, sa bàn và cấm sử dụng các bản vẽ, mô hình, sa bàn sao chép từ bản vẽ, mô hình, sa bàn của mình (dù là chép tay hay photocopy). Quy định này chưa bao quát

được các trường hợp chụp ảnh tòa nhà có hình khối kiến trúc có được xem là hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc hay không; việc chụp ảnh một tòa nhà, sau đó căn cứ vào đấy để xây dựng một tòa nhà khác giống hệt có phải là hành vi xâm phạm quyền tác giả, tòa nhà là tác phẩm thể loại gì và có thể được bảo hộ dưới dạng quyền tác giả không. Theo quan điểm của tác giả luận văn thì hành vi này cũng cần được coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả và cần bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, với quy định của Mục V.2, V.3, V.5 Thông tư liên tịch số 04/2003/TTLT/BVHTT-BXD thì việc sao chép bản vẽ thành nhiều bản để nộp lên cơ quan xin phép xây dựng, đưa cho nhà thầu xây dựng, đưa cho nhà cung cấp,... mà không xin phép tác giả cũng bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả. Điều này sẽ dẫn đến hệ quả là người sao chép không thể xây dựng một ngôi nhà giống với ngôi nhà của chủ sở hữu bản vẽ kiến trúc.

Bên cạnh đó, Thông tư liên tịch số 04/2003/TTLT/BVHTT-BXD cũng được ban hành trước khi Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 có hiệu lực thi hành và cho đến nay, Thông tư này vẫn chưa được thay thế bằng một Thông tư khác. Các Nghị định hướng dẫn Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 tuy có ghi nhận một số nội dung của Thông tư này nhưng vẫn chưa quy định đầy đủ các nội dung cần thiết nên hiện Thông tư này vẫn còn được áp dụng trong thực tiễn khi mà căn cứ pháp lý ban hành Thông tư là các văn bản pháp luật đã hết hiệu lực thi hành. Điều này đòi hỏi phải có Thông tư thay thế Thông tư liên tịch số 04/2003/TTLT/BVHTT-BXD hoặc các nội dung của Thông tư được nâng lên quy định trong một văn bản pháp lý cao hơn như Luật kiến trúc hay các Nghị định hướng dẫn Luật để đảm bảo tính chặt chẽ, đầy đủ và tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Thứ ba, Luật Đấu thầu năm 2013, Luật Quy hoạch đô thị năm 2013, Luật Xây dựng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành các đạo luật này

đều quy định về các loại hình tác phẩm kiến trúc như các bản vẽ thiết kế về mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh, thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình, tổ hợp công trình kiến trúc, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan của một vùng, một đô thị, hệ thống đô thị, khu chức năng đô thị, khu dân cư nông thôn v.v... Tuy nhiên, các quy định này dường như tách biệt, không có sự liên hệ đến các quy định của BLDS, LSHTT về quyền tác giả. Thực trạng này đã khiến cho nhận thức của người dân, của các cơ quan, tổ chức có liên quan về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc chưa cao, khiến cho công tác thực thi quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc bị hạn chế.

Thứ tư, các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về các vấn đề liên quan đến giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ còn quá sơ sài. Hiện nay, ngoài một số điều luật của BLTTS, LSĐBSBLTTDS, các nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành các đạo luật này thì chỉ có một số thông tư hướng dẫn về vấn đề này như Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BVHTT&DL-BKH&CN-BTP ngày 03 tháng 04 năm 2008 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Văn hóa, Thông tin và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án nhân dân. Việc giải quyết các tranh chấp quyền tác giả vẫn được thực hiện theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, khi yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì nguyên đơn phải chứng minh có hành vi xâm phạm, mức độ thiệt hại thực tế do hành vi xâm phạm gây ra. Tuy nhiên, họ:

Thường không đưa ra được chứng cứ chứng minh hành vi xâm phạm quyền của bị đơn hoặc không chứng minh được mức độ thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, mặc dù hành vi xâm phạm và

thiệt hại thực tế đã xảy ra và thiệt hại tiềm ẩn nếu có do bị xâm phạm quyền, do vậy, yêu cầu đòi bồi thường thường ít được Tòa án chấp nhận toàn bộ [62].

Đối với quy định về yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong giải quyết tranh chấp quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc phải thực hiện biện pháp bảo đảm cũng khó thực hiện vì nhiều trường hợp tác giả tác phẩm là người yêu cầu không có điều kiện kinh tế. Do thủ tục tố tụng phức tạp, kém hiệu quả; giải quyết vụ việc qua quá nhiều trình tự với thời gian quá lâu và án phí, lệ phí được quy định tương đối cao nên khi quyền tác giả bị xâm phạm hoặc có tranh chấp các chủ thể ngại khởi kiện ra Tòa án giải quyết.

3.1.3.2. Nhận thức của người dân và của cộng đồng xã hội về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc còn nhiều hạn chế

Theo các nhà luật học, các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả và quyền liên quan được ban hành đã tương đối đồng bộ. Hệ thống pháp luật của Việt Nam về quyền tác giả và quyền liên quan ngày càng được hoàn thiện và phù hợp hơn với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, bước đầu đủ để điều chỉnh các mối quan hệ về quyền tác giả và quyền liên quan tại Việt Nam và tạo môi trường pháp lý cho tiến trình hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội [60]. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ cũng đã được quan tâm thực hiện nhằm nâng cao nhận thức của mỗi người dân và cộng đồng về pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ để thực thi nghiêm chỉnh và có hiệu quả trên thực tế. Tuy vậy, tình hình nhận thức của mỗi người dân và cộng đồng về quyền tác giả nói chung vẫn còn không ít những hạn chế, đặc biệt là nhận thức về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc còn hạn chế hơn. Việc nhận thức về các quy định của các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia thì càng hạn chế hơn. Nhiều tác giả, chủ sở hữu tác phẩm do nhận thức về quyền tác

giả còn chưa đầy đủ hoặc chưa đúng nên đã không mặn mà với việc đăng ký bảo hộ quyền tác giả. Một số trường hợp như trên đã nêu thì không biết mình có những quyền, nghĩa vụ gì đối với việc khai thác, sử dụng tác phẩm kiến trúc từ đó dẫn đến việc vô tư sao chép, sử dụng tác phẩm kiến trúc, nhại kiến trúc của người khác v.v... nên vô tình đã xâm phạm đến quyền tác giả của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm.

3.1.3.3. Việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc còn chưa hiệu quả

Mục đích của việc ban hành pháp luật là pháp luật phải được thực thi nghiêm chỉnh và có hiệu quả trên thực tế. Việc thi hành các quy định của pháp luật về quyền tác giả trong thời gian qua còn hạn chế, chưa hiệu quả một phần là do công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả chưa tốt, tổ chức các cơ quan quản lý và hỗ trợ thực thi quyền tác giả chưa hợp lý và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả còn chưa đồng bộ, chưa hiệu quả. Theo các nhà nghiên cứu:

Ở nước ta, nhận thức hạn chế của cộng đồng về bảo vệ tài sản trí tuệ, năng lực còn hạn chế của các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ và sự phối hợp chưa thực sự hiệu quả giữa các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ là ba nguyên nhân cơ bản dẫn đến thực thi quyền sở hữu trí tuệ kém hiệu quả [62].

Thứ nhất, về công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về sở hữu trí tuệ chưa tốt.

Để tổ chức thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ trong thời gian qua Nhà nước đã cho đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật dưới nhiều hình thức như tổ chức các buổi hội thảo, tổ chức “*Tháng hưởng ứng ngày sở hữu trí*

tuệ thế giới 26/4' v.v... Ngoài ra, tại khoản 4 Điều 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của BLDS, LSHTT về quyền tác giả và quyền liên quan có quy định:

Tăng cường giáo dục kiến thức về quyền tác giả, quyền liên quan trong hệ thống trường học các cấp. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hoá - Thông tin đưa nội dung giảng dạy về quyền tác giả, quyền liên quan vào chương trình giáo dục Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp[5].

Tuy nhiên, do kinh phí hạn hẹp nên việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về sở hữu trí tuệ còn chưa được tiến hành thường xuyên, đối tượng tuyên truyền chưa được mở rộng mới nhằm vào các doanh nghiệp là chủ yếu và chủ yếu là tuyên truyền về lĩnh vực quyền sở hữu công nghiệp, trong khi đó thì đối với các đối tượng khác và lĩnh vực quyền tác giả cũng rất cần thiết phải tuyên truyền, giáo dục. Việc giảng dạy pháp luật sở hữu trí tuệ trong các nhà trường cũng còn chưa được quan tâm đúng mức. Ngay ở Trường Đại học Luật Hà Nội là một trong những cơ sở đào tạo luật lớn nhất ở Việt Nam nhưng hiện nay môn học Luật sở hữu trí tuệ cũng chỉ được quy định là môn học tự chọn trong Chương trình đào tạo đại học luật của Nhà trường.

Thứ hai, về tổ chức các cơ quan quản lý và hỗ trợ thực thi quyền tác giả chưa hợp lý.

Hiện nay, ở Trung ương có hai cơ quan riêng biệt thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của Việt Nam là Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và Cục Bản quyền tác giả của Bộ Văn hóa - Thông tin. Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện việc quản lý nhà nước về sáng chế, nhãn hiệu, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp còn Cục Bản quyền tác giả thực hiện việc quản lý nhà nước về quyền tác giả. Trong thời gian qua, việc thể chế hóa các chủ trương, chính sách có liên quan đến sở hữu trí tuệ đều do hai Bộ này chủ trì soạn thảo,

trình, ban hành hoặc thông qua trước khi thực hiện. Việc tổ chức quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của các cơ quan này nếu không liên quan đến tổ chức, cá nhân nước ngoài thì không phức tạp. Tuy nhiên, những rắc rối, phức tạp của hệ thống quản lý hiện nay của Việt Nam đã cản trở việc bảo hộ quyền tác giả của các tổ chức cá nhân nước ngoài. Thực tiễn và lý thuyết cho thấy hai nhánh này không khác nhau nhiều lắm. Trong khi đó, hầu hết các nước trên thế giới đều chỉ có một cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Điều này gây ảnh hưởng đến môi trường đầu tư nước ngoài tại Việt Nam cũng như đến các quan hệ quốc tế khác của Việt Nam với cộng đồng quốc tế đặc biệt là trong xu thế hội nhập hiện nay đó là một trong những điều kiện được đặt ra đối với Việt Nam khi tham gia vào các tổ chức quốc tế như tổ chức thương mại thế giới WTO. Về vấn đề này, các nhà nghiên cứu đều có chung nhận xét:

Ở nước ta, hệ thống các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ tương đối công kênh. Chức năng thực thi quyền sở hữu trí tuệ thuộc về các cơ quan hành chính và cơ quan tư pháp, thuộc nhiều Bộ, ngành khác nhau và ở nhiều cấp khác nhau. Các cơ quan hành chính có thẩm quyền thực thi quyền sở hữu trí tuệ gồm: Thanh tra khoa học và công nghệ (cấp Sở và Bộ); thanh tra thông tin và truyền thông (cấp Sở và Bộ); thanh tra văn hóa, thể thao và du lịch (cấp Sở và Bộ); quản lý thị trường (cấp Đội, Chi cục và Cục); hải quan (cấp Đội, Chi cục, Cục và Tổng cục); công an (cấp huyện, tỉnh và Cục); Ủy ban nhân dân (cấp huyện và tỉnh) [62].

Thứ ba, về sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và bảo vệ quyền tác giả còn chưa đồng bộ và hiệu quả.

Sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả biểu hiện trong việc soạn thảo các văn bản

hướng dẫn thi hành các đạo luật có quy định về quyền tác giả như BLDS, LSHTT, LSĐBSLSHTT, BLTTDS..., trong việc đăng ký, hỗ trợ thực thi quyền tác giả. Thực tế, trong nhiều năm qua sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả ở các lĩnh vực còn chưa hiệu quả, đặc biệt là trong việc đăng ký, hỗ trợ thực thi quyền tác giả. Năm 2012, để nâng cao năng lực và hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Tòa án Nhân dân Tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao đã ký kết Chương trình 168 giai đoạn 2012-2015 (Chương trình 168 giai đoạn II).

Mặc dù vậy, hiệu quả hoạt động của Chương trình 168 giai đoạn II còn ở mức độ khiêm tốn. Trước hết, các thành viên chưa xây dựng được kế hoạch hoạt động tổng thể và chi tiết cho toàn bộ giai đoạn 2012-2015 cũng như cho từng năm. Trong những năm qua, các hoạt động mang tính phối hợp chung của các thành viên Chương trình còn thiếu. Bên cạnh hoạt động trao đổi thông tin theo định kỳ, hội thảo, hội nghị, các hoạt động phối hợp đã được cam kết (như thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm; đào tạo và nâng cao năng lực của các cơ quan thực thi...) hầu như chưa được thực hiện. Mỗi thành viên thực hiện hoạt động phòng, chống xâm phạm quyền SHTT trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định. Một số thành viên tiến hành hoạt động phối hợp thường xuyên (với hình thức các đoàn công tác liên ngành) nhưng không phải là hoạt động phối hợp trong khuôn khổ Chương trình. Hơn nữa, mô hình phối hợp theo Chương trình 168 cũng chưa được thiết lập và triển khai ở nhiều địa phương [62].

Sự phối hợp trong việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại hoặc tố cáo, xử lý các hành vi vi phạm quyền tác giả để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên cũng còn bất cập giữa Tòa án với các cơ quan quản lý; giữa Tòa án, cơ quan giải quyết khiếu nại với cơ quan, tổ chức chuyên môn, tổ chức thẩm định giá trong việc xử lý vi phạm, định giá quyền tác giả. Trên thực tế, nhiều trường hợp giữa các cơ quan giải quyết khiếu nại, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã có những ý kiến trái chiều nên quyết định giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm thiếu tính thuyết phục. Hơn nữa, hầu hết các vi phạm về quyền tác giả chủ yếu được xử lý bằng con đường hành chính.

Điều này đã dẫn đến tình trạng “hành chính hoá” các quan hệ dân sự. Một số trường hợp xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tuy thuộc lĩnh vực dân sự, lẽ ra cần được giải quyết theo thủ tục dân sự tại Tòa án nhưng lại được xử lý bằng biện pháp hành chính cho đơn giản và đỡ tốn kém. Tuy nhiên, tố tụng tư pháp tại Tòa án vẫn là một kênh riêng để giải quyết các tranh chấp về quyền tác giả, quyền liên quan ở Việt Nam [64].

3.1.3.4. Năng lực cán bộ quản lý, tổ chức thực thi và xét xử, giải quyết khiếu nại và tố cáo để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc

Việc tổ chức thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc là vấn đề khá phức tạp, đòi hỏi cán bộ, nhân viên thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ phải có sự hiểu biết về pháp luật sở hữu trí tuệ, các quy định của pháp luật liên quan và kỹ thuật chuyên môn sâu. Ở các cơ quan thực thi và pháp luật về sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các nước trên thế giới các cán bộ và nhân viên đều có trình độ cao về pháp luật sở hữu trí tuệ và chuyên môn kỹ thuật sâu. Ngoài việc được đào tạo, trang bị kiến

thực pháp luật về sở hữu trí tuệ họ còn được đào tạo chuyên môn sâu về các lĩnh vực cụ thể nhằm đáp ứng yêu cầu chuyên môn của công việc như chuyên môn về thiết kế, xây dựng v.v... Thậm chí, pháp luật của một số nước như Cộng hòa Pháp còn quy định người được bổ nhiệm Thẩm phán phải có văn bằng 2 đại học chuyên ngành khác ngoài chuyên ngành luật. Tuy vậy, ở Việt Nam do pháp luật sở hữu trí tuệ mới được quan tâm xây dựng trong 10 năm nay nên công tác đào tạo cán bộ chuyên sâu về thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ chưa được đặt ra. Trong các chương trình đào tạo của các trường đại học ở Việt Nam hiện nay chưa có chương trình đào tạo cán bộ tổ chức thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Vì vậy, năng lực của các cán bộ thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ còn non kém, chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc là không tránh khỏi. Điều này dẫn đến hệ quả là việc tổ chức thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ kém hiệu quả.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI TÁC PHẨM KIẾN TRÚC

3.2.1. Kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Đề tạo môi trường pháp lý phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta, ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị đã thông qua Nghị quyết số 48-NQ/TW về “*Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*”. Hơn nữa, hiện nay:

Chúng ta đang sống trong thời đại toàn cầu hóa về kinh tế, văn hóa và cũng là thời đại bùng nổ thông tin và công nghệ, mà ở đó các loại hình tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được pháp luật bảo hộ đều có thể tồn tại trong môi trường kỹ thuật số nên

người ta dễ dàng sao chép, dễ dàng phổ biến và dễ dàng lưu trữ chúng... Thách thức trong vấn đề bản quyền ở kỷ nguyên kỹ thuật số là làm sao có thể vừa bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu quyền tác giả trong việc sử dụng công nghệ mới để sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm của mình, vừa phải ngăn chặn nạn khai thác và cạnh tranh bất hợp pháp ở khắp mọi nơi [61].

Mặt khác, như đã nêu trên pháp luật về sở hữu trí tuệ nói chung và các quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nói riêng còn nhiều bất cập do đó việc hoàn thiện chúng là một yêu cầu tất yếu đặt ra trong lúc này. Việc hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, trong đó có các quy định về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cần thực hiện cả đối với các quy định của pháp luật về nội dung và tổ tụng về công nhận, tổ chức thực thi quyền tác giả và xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả, trong đó có một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, nguyên tắc là những điều cơ bản buộc các hoạt động có mục đích muốn đạt được mục đích phải tuân theo. Xác định được các nguyên tắc thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ có vai trò quan trọng trong việc tổ chức thực quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Hiện nay, BLDS năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Việt Nam chưa quy định cụ thể, rõ ràng, khoa học và toàn diện hệ thống các nguyên tắc cơ bản của việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung LSHTT trong đó bổ sung các quy định về nguyên tắc thực thi quyền tác giả.

Thứ hai, để xử lý được các hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc thì phải xác định đúng được các hành vi xâm phạm. Như đã trình bày ở trên, BLDS, LSHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành mới quy định, hướng dẫn chung về bảo hộ và xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học nói chung mà chưa quy

định riêng về bảo hộ và xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Trong đó, tác phẩm kiến trúc có những đặc điểm riêng nên việc bảo hộ và xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cũng có những yêu cầu riêng. Để đảm bảo xử lý được các hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc thì phải quy định, hướng dẫn rõ về các vấn đề này. Trong đó, cần quy định cụ thể (i) đối với tác phẩm kiến trúc tỷ lệ mới bao nhiêu phần trăm các chi tiết cấu thành thì được bảo hộ bản quyền (trong tác phẩm kiến trúc có rất nhiều chi tiết đòi hỏi yếu tố sáng tạo bao gồm cả nội, ngoại thất và các chi tiết kỹ thuật); (ii) những hành vi nào là xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc; (iii) tác phẩm kiến trúc được hình thành, sắp đặt các chi tiết cấu thành từ các tác phẩm kiến trúc khác như lan can, cầu thang, chi tiết hoa văn trang trí... thì có được coi là tác phẩm phái sinh v.v... mà không bị coi là xâm phạm quyền tác giả.

Thứ ba, cần xây dựng văn bản pháp luật mới thay thế Thông tư liên tịch mới thay thế Thông tư liên tịch số 04/2003/TTLT/BVHTT-BXD, trong đó, quy định tác phẩm kiến trúc được bảo hộ quyền tác giả không chỉ đối với các bản vẽ, mô hình, sa bàn mà còn cả đối với những phần có tính nguyên gốc của tòa nhà, do vậy đối với những tòa nhà đã xây dựng theo bản vẽ thiết kế thì khách du lịch không có quyền chụp ảnh tòa nhà, hay họa sĩ không có quyền vẽ và trưng bày tranh vẽ tòa nhà (trừ những công trình bí mật hay bị cấm chụp ảnh). Các quy định liên quan đến quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc của Thông tư liên tịch số 04/2003/TTLT/BVHTT-BXD ngày 24 tháng 01 năm 2003 của Bộ Văn hoá-Thông tin và Bộ Xây dựng hướng dẫn về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc có thể được xem xét, kế thừa đưa vào Dự án Luật kiến trúc (đang được Hội kiến trúc sư Việt Nam nghiên cứu, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành) nếu Dự án Luật này được Quốc hội đưa vào chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh, hoặc đưa vào một Nghị định hướng

dẫn Luật sở hữu trí tuệ để có cơ sở pháp lý cao hơn cho việc thực thi quyền tác giả đối với loại hình tác phẩm này.

Thứ tư, Luật Đấu thầu năm 2013, Luật Quy hoạch đô thị năm 2013, Luật Xây dựng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành các đạo luật này đều có quy định về tác phẩm kiến trúc. Tuy nhiên, với tư cách là các luật chuyên ngành điều chỉnh trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, các luật này không liên kết với các quy định của BLDS và LSHTT về quyền tác giả nên vô hình chung làm hạn chế quyền của tác giả đối với tác phẩm kiến trúc. Mặt khác, Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở tuy đã có quy định rõ về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi xây dựng công trình sai thiết kế được phê duyệt, sai quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế đô thị đã được phê duyệt (khoản 7 Điều 13) nhưng lại chưa thực sự nghiêm minh khi cho phép các công trình xây dựng sai thiết kế, sai quy hoạch này chỉ bị buộc nộp thêm số lợi bất hợp pháp với giá trị bằng 40%, 50% giá trị phần xây dựng sai phép, không phép, sai thiết kế được duyệt, sai quy hoạch xây dựng hoặc thiết kế được duyệt. Ngoài ra, Nghị định này cũng không quy định số lợi bất hợp pháp được trả cho chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc (trong trường hợp thi công xây dựng sai thiết kế). Việc làm này cho thấy nhận thức của các nhà làm luật về việc bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cũng chưa cao.

Tác giả luận văn cho rằng, để nâng cao hiệu quả bảo hộ và xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc thì cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Đấu thầu năm 2013, Luật Quy hoạch đô thị năm 2013, Luật Xây dựng năm 2014 và Nghị định 121/2013/NĐ-CP về những vấn

đề liên quan đến bảo hộ tác phẩm kiến trúc trong việc lập đồ án quy hoạch kiến trúc, trong thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng, xử lý vi phạm v.v...theo hướng bám sát, phù hợp các quy định của BLDS và LSHTT.

Thứ năm, việc giải quyết các tranh chấp quyền sở tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học, trong đó có quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc khá phức tạp đòi hỏi các quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các tranh chấp phải đầy đủ, cụ thể và chặt chẽ. Tuy nhiên, các quy định của BLTTDS, LSĐBSBLTTDS, LSHTT về vấn đề này còn chưa đầy đủ, cụ thể và chặt chẽ như quy định không Tòa án được chủ động trong việc xác minh thu thập chứng cứ khi giải quyết các tranh chấp quyền tác giả (Điều 85 BLTTDS), quy định việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong giải quyết tranh chấp quyền tác giả đương sự yêu cầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm (Điều 120 BLTTDS, Điều 210 LSHTT). Vì vậy, phải sửa đổi, bổ sung BLTTDS, LSHTT một số quy định liên quan đến thủ tục giải quyết các tranh chấp quyền tác giả như sửa đổi Điều 85 BLTTDS quy định Tòa án được chủ động trong việc xác minh thu thập chứng cứ khi giải quyết các tranh chấp quyền tác giả, sửa đổi Điều 120 BLTTDS quy định việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời trong giải quyết tranh chấp quyền tác giả đương sự yêu cầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm.

3.2.2. Kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc

Hiệu quả thực thi pháp luật phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có việc nhận thức của mọi người đối với pháp luật, năng lực của các cơ quan, tổ chức và cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý, tổ chức thi hành pháp luật, sự phối hợp có hiệu quả của các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về quyền tác giả, ngoài việc phải hoàn hiện các quy định của BLDS,

LSHTT, BLTTDS v.v... thì còn phải áp dụng các biện pháp nâng cao nhận thức pháp luật về quyền tác giả của người dân và cộng đồng, nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức và cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý, tổ chức thi hành và hỗ trợ thực thi quyền tác giả đồng thời tăng cường được sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành pháp luật về quyền tác giả và xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả. Trong tổ chức thi hành các quy định của pháp luật Việt Nam quyền tác giả, trong đó có quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc cần phải chú ý tới các biện pháp sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đi đôi với xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền tác giả.

Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật quyền tác giả nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị cho công dân những hiểu biết về các quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật. Ngay ở các nước phát triển, trong điều kiện nhận thức pháp luật của người dân khá cao nhưng vẫn phải tuyên truyền, giáo dục pháp luật sở hữu trí tuệ và qua đó cho thấy đã có tác dụng nhiều trong việc nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ.

Năm 2005, nhận thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ không biết nhiều về quyền sở hữu trí tuệ, Mỹ đã tiến hành hội thảo toàn quốc để tuyên truyền cho các doanh nghiệp hiểu cách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và đã đạt hiệu quả cao. Ngày nay, ở Mỹ, 47% trị giá của công ty là giá trị của sở hữu trí tuệ [65].

Trong khuôn khổ pháp luật về quyền tác giả, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật phải nhằm vào ba đối tượng chủ yếu đó là tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả và người sử dụng tác phẩm, làm cho các đối tượng hiểu rõ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngoài ra, công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật phải được tiến hành thường xuyên và với nhiều hình thức phong phú...

Theo Thứ trưởng Trần Quốc Thắng, công tác tuyên truyền, giáo dục về SHTT của chúng ta còn thiếu vắng việc đào tạo có tính chất chuyên sâu. Đa dạng hoá các loại hình tuyên truyền, trên các phương tiện truyền thông đại chúng là chưa đủ, chúng ta cần tổ chức các cuộc thi, những phong trào để mở rộng diện tuyên truyền để mỗi người dân đều biết, đều hiểu, biết cách làm thế nào để xác lập quyền SHTT và huy quyền đó [65].

Mặt khác, phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Khoản 4 Điều 100/2006/NĐ-CP thì cần tăng cường giáo dục kiến thức về quyền tác giả, quyền liên quan trong hệ thống trường học các cấp. Các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp cần đưa môn học về quyền tác giả, quyền liên quan vào chương trình đào tạo của mình để giảng dạy.

Đi đôi với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật cũng phải kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền tác giả. Các cơ quan được giao nhiệm vụ liên quan đến việc thi hành pháp luật sở hữu trí tuệ, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về quyền tác giả và xét xử giải quyết các tranh chấp về quyền tác giả từ Trung ương đến địa phương phải tăng cường việc kiểm tra việc thi hành pháp luật về quyền tác giả để phát hiện ra các hành vi xâm phạm quyền tác giả và xử lý kịp thời các hành vi xâm phạm quyền tác giả.

Thứ hai, tổ chức lại và nâng cao năng lực tổ chức thi hành pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ của các cơ quan quản lý, cơ quan xét xử và hỗ trợ thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho hợp lý. Ở Trung ương cần thành lập một cơ quan nhà nước thống nhất về sở hữu Trí tuệ để đảm bảo nhất quán trong xây dựng, ban hành và thực thi quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, tạo điều kiện cho việc hội nhập quốc tế của Việt Nam về lĩnh vực này ngày một tốt hơn. Ở các địa phương, cần nâng cao năng lực tổ chức, quản lý việc thực thi pháp luật sở

hữu trí tuệ của Ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt là các cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tổ chức, quản lý việc thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ, đặc biệt là các Sở khoa học và công nghệ. Ngoài ra, phải kiện toàn lại cơ cấu tổ chức của các Tòa án nhân dân. Các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng rất phức tạp, việc giải quyết khá khó khăn đòi hỏi phải có các tòa chuyên trách như các tòa kinh tế, lao động v.v... để giải quyết mới có hiệu quả. Trên Thế giới, vấn đề này đã được thực hiện ở nhiều nước.

Mặc dù ở hầu hết các nước, các loại việc về quyền sở hữu trí tuệ bao gồm các loại việc dân sự, hình sự và hành chính, nhưng một số nước như Cộng hòa Liên bang Đức, Thái Lan... đã thành lập Tòa án chuyên biệt xét xử các vụ xâm phạm về quyền sở hữu trí tuệ; một số nước lại có các Tòa chuyên xét xử các vụ xâm phạm về quyền sở hữu trí tuệ nằm trong Tòa án. Ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Anh và Xứ Uên chỉ có Tòa quyền sở hữu trí tuệ giải quyết các vụ án dân sự về quyền sở hữu trí tuệ... [61].

Thứ ba, xây dựng cơ chế phối hợp có hiệu quả sự giữa các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và xử lý các hành vi xâm phạm đến quyền tác giả ở cả Trung ương và địa phương; phối hợp theo cả theo chiều dọc và chiều ngang nhằm tạo nên sự phối hợp nhịp nhàng trong hoạt động thực thi và bảo vệ quyền tác giả. Một văn bản pháp luật được ban hành phải được quan triệt từ Chính Phủ, Bộ Văn hoá - Thông tin, Cục Bản quyền tác giả và các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương đến Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Sở Văn hóa - Thông tin và các cơ quan quản lý nhà nước khác ở địa phương. Bên cạnh đó, nó cũng phải được các cơ quan tư pháp từ Trung ương đến địa phương quán triệt để có thể giải quyết các tranh chấp, xử lý các vi phạm bản quyền theo đúng thủ tục

tổ tụng hành chính, dân sự và hình sự. Khi một cơ quan thực thi quyền tác giả nhận được yêu cầu xử lý vụ việc mà thấy không thuộc thẩm quyền của mình, thì cần chuyển ngay hồ sơ vụ việc sang cơ quan có thẩm quyền và cơ quan này cần thụ lý giải quyết ngay vụ việc mà không yêu cầu người nộp đơn phải bắt đầu lại từ đầu các thủ tục phức tạp để tránh tốn kém và mất thời gian. Khi Tòa án có văn bản lấy ý kiến, thì tùy từng trường hợp cụ thể mà các cơ quan chức năng có trách nhiệm trả lời về các vấn đề mà Tòa án yêu cầu hoặc thành lập Hội đồng giám định để thực hiện yêu cầu của Tòa án theo quy định của pháp luật. Khi xét xử các vụ án dân sự về quyền tác giả, Tòa án cần thông báo để các cơ quan này cử đại diện đến tham gia phiên tòa. Nếu thấy hành vi xâm phạm quyền tác giả đủ các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự thì các cơ quan hữu quan chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự người vi phạm. Ngoài ra, cần phải thiết lập được một hệ thống cơ sở dữ liệu chung để chia sẻ các thông tin về quyền tác giả giữa các cơ quan thực thi và bảo vệ quyền tác giả.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ pháp luật quyền tác giả và nghiệp vụ về tuyên truyền, tổ chức, quản lý thực thi quyền tác giả, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về hành vi xâm phạm quyền tác giả và xét xử giải quyết các tranh chấp quyền tác giả. Trước hết, phải tuyển lựa được những người có đủ năng lực làm công tác tuyên truyền, tổ chức, quản lý thực thi quyền tác giả, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về hành vi xâm phạm quyền tác giả và xét xử giải quyết các tranh chấp quyền tác giả. Mặt khác, phải thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về pháp luật Việt Nam về quyền tác giả cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, tổ chức, quản lý thực thi quyền tác giả, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về hành vi xâm phạm quyền tác giả và xét xử giải quyết các tranh chấp quyền tác giả, đặc biệt là các cán bộ làm công tác đăng ký bảo hộ quyền tác giả, thanh tra viên về quyền tác giả, Thẩm phán chuyên trách xét

xử các tranh chấp về quyền tác giả v.v... Việc đào tạo, bồi dưỡng dưới các hình thức khác nhau như đào tạo chính quy, tại chức, mở các lớp tập huấn chuyên môn, các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Ngoài ra, Việt Nam còn tham gia nhiều điều ước quốc tế về quyền tác giả và không ít những tranh chấp về quyền tác giả có yếu tố nước ngoài, vì vậy để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về quyền tác giả cần đào tạo, bồi dưỡng cả về ngoại ngữ và pháp luật quốc tế về quyền tác giả cho đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức, quản lý thực thi quyền tác giả, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về hành vi xâm phạm quyền tác giả và xét xử giải quyết các tranh chấp về quyền tác giả.

Thứ năm, tuân thủ nghiêm chỉnh các điều ước quốc tế đã tham gia và các hiệp định song phương đã ký kết. Cho đến nay, Việt Nam đã tham gia các điều ước quốc tế quan trọng cũng như đã ký kết các điều ước quốc tế song phương về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và bản quyền tác giả nói riêng. Một số điều ước quốc tế đa phương mà Việt Nam đã tham gia như Công ước Paris 1883 về Sở hữu công nghiệp, Thỏa ước Madrid 1891 về Đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, Hiệp định về hợp tác bằng sáng chế năm 1970, Công ước Berne 1886 về bảo hộ các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học, Công ước Rome 1961 về bảo hộ người biểu diễn, tổ chức ghi âm và tổ chức phát sóng, Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) 1995 trong hệ thống các hiệp định của WTO, Công ước thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) bắt đầu có hiệu lực từ năm 1970 (Việt Nam trở thành thành viên của WIPO từ ngày 02-07-1976)... Việc tham gia các công ước là một điều kiện thiết yếu để Việt Nam bình đẳng tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế; các tổ chức thế giới, đẩy mạnh quá trình hội nhập. Tuy vậy, Việt Nam cũng có nghĩa vụ phải tuân thủ nghiêm chỉnh các điều ước quốc tế đã tham gia và các hiệp định song phương đã ký kết.

Ngày 11/01/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của

tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Điều này mở ra cơ hội to lớn trong việc phát triển kinh tế đất nước nhưng chúng ta phải đối mặt với nhiều thách thức đặc biệt là tuân thủ các cam kết quốc tế về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và bản quyền tác giả nói riêng. Việc gắn bảo hộ sở hữu trí tuệ với thương mại quốc tế, một mặt, sẽ tạo điều kiện để có những cơ chế bảo hộ quốc tế hữu hiệu hơn về sở hữu trí tuệ, mặt khác, cũng sẽ gây ra rất nhiều sức ép và khó khăn cho các nước có trình độ khoa học công nghệ thấp. Bởi vậy, bên cạnh việc tuân thủ nghiêm các điều ước quốc tế, hiệp định song phương về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và bản quyền tác giả nói riêng, chúng ta cần nghiên cứu tham khảo kinh nghiệm của các nước khác trong lĩnh vực này.

Kết luận chương 3

Ở Việt Nam, sở hữu trí tuệ là vấn đề còn khá mới mẻ. Tuy vậy, việc thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả trong những năm qua đã đạt được nhiều thành tựu, vì vậy đã có tác dụng thiết thực trong việc bảo hộ quyền tác giả, trong đó có cả quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc nên đã khuyến khích được sự sáng tạo góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển. Bên cạnh những kết quả đạt được đó, việc thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả cũng còn những hạn chế nhất định như việc đăng ký cấp chứng nhận bảo hộ quyền tác giả chưa được tác giả, chủ sở hữu tác phẩm và cơ quan có thẩm quyền quan tâm thực hiện; việc khai thác, sử dụng các quyền của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm còn chưa đúng dẫn đến các vi phạm về quyền tác giả diễn ra khá phổ biến; việc bảo vệ quyền tác giả khi bị vi phạm hoặc tranh chấp cũng không được thật tốt. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập đó là do các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và các quy định của pháp luật về xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả còn chưa hoàn chỉnh; nhận thức của người dân và của cộng đồng xã hội về quyền tác giả còn hạn chế; công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả chưa tốt; sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành pháp luật về quyền tác giả và bảo vệ quyền tác giả còn chưa hiệu quả; tổ chức các cơ quan quản lý và hỗ trợ thực thi quyền tác giả chưa hợp lý; năng lực cán bộ quản lý, tổ chức thực thi và xét xử, giải quyết khiếu nại và tố cáo quyền tác giả còn chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc. Để khắc phục được những hạn chế, bất cập đó trước tiên cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về quyền tác giả và các quy định của pháp luật về thủ tục xử lý vi phạm quyền tác giả theo hướng bổ sung các quy định về nguyên tắc thực thi quyền tác giả trong LSHTT, bổ sung vào Luật Quy hoạch đô thị năm 2013, Luật Xây dựng năm 2014 những quy định liên quan đến bảo hộ quyền

tác giả, sửa đổi, bổ sung BLTTDS, LSHTT các quy định liên quan đến vấn đề chứng minh, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 04/2003/TTLT/BVHTT-BXD. Trong tổ chức thi hành các quy định của pháp luật Việt Nam quyền tác giả phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đi đôi với xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền tác giả; tổ chức lại và nâng cao năng lực tổ chức thi hành pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ của các cơ quan quản lý và hỗ trợ thực thi quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng cơ chế phối hợp có hiệu quả sự giữa các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức thi hành pháp luật về quyền tác giả và xử lý các hành vi xâm phạm đến quyền tác giả; xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ pháp luật quyền tác giả và nghiệp vụ về tuyên truyền, tổ chức, quản lý thực thi quyền tác giả, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về hành vi xâm phạm quyền tác giả và xét xử giải quyết các tranh chấp quyền tác giả và tuân thủ nghiêm chỉnh các điều ước quốc tế đã tham gia và các hiệp định song phương đã ký kết.

KẾT LUẬN

Gắn chặt với chất lượng sống và hạnh phúc của con người, kiến trúc cũng phát triển theo tiến trình lịch sử văn minh loài người.

Tác phẩm kiến trúc có giá trị trước hết phải đạt được các mục đích: sử dụng tốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu vật chất ngày càng cao của con người, mặt khác còn phải thỏa mãn các đòi hỏi về tinh thần tức khoái cảm thẩm mỹ, sự hạnh phúc thụ cảm nghệ thuật của xã hội, nhưng cũng phải phù hợp với điều kiện kinh tế đất nước [34, tr.20].

Việc xây dựng một môi trường pháp lý lành mạnh cho hoạt động sáng tạo ra các tác phẩm kiến trúc, đa dạng, đáp ứng các yếu tố về công năng (sử dụng tiện nghi), sự hoàn thiện kỹ thuật (điều kiện vật liệu kết cấu, kỹ thuật xây dựng) và hình tượng kiến trúc (yêu cầu thẩm mỹ) là hết sức cần thiết để cải thiện bộ mặt đô thị của nước ta cũng như nâng cao chất lượng sống cho người dân.

Trong thời gian qua, để hội nhập Quốc tế, phát triển kinh tế xã hội Nhà nước ta đã không ngừng nỗ lực hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền tác giả Việt Nam. Trong việc xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật sở hữu trí tuệ Nhà nước đã cho tiếp thu, cụ thể hóa các quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Cho đến nay, vấn đề quyền tác giả tuy không còn là mới lạ tại Việt Nam nhưng do ảnh hưởng của thói quen trong thời gian quá dài không quan tâm đến quyền tác giả nên việc thực thi các quy định của pháp luật trong lĩnh vực này cũng vẫn còn không tốt. Trong thực tiễn thực thi pháp luật quyền tác giả vẫn còn không ít các trường hợp xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm như sao chép, nhại tác phẩm kiến trúc, việc thi công xây dựng còn có sai lệch so với thiết kế ban đầu của tác giả. Để xây dựng được một môi trường pháp lý lành mạnh cho hoạt động sáng tạo ra các tác phẩm kiến trúc thúc đẩy

sự sáng tạo đáp ứng được yêu cầu của phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ hội nhập thì cần áp dụng đồng bộ các biện hoàn thiện và thực thi các quy định của pháp luật về quyền tác giả điều này đòi hỏi cần có sự quan tâm từ phía các cơ quan Nhà nước và cả từ phía các doanh nghiệp, người dân và cộng đồng xã hội.

Ngày nay trong điều kiện nước ta đang hội nhập Quốc tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực. Vấn đề quyền sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, trong đó có vấn đề quyền sở hữu đối với tác phẩm kiến trúc cũng được Nhà nước ta tăng cường hợp tác với các nước và các tổ chức Quốc tế về quyền tác giả. Việc làm này không những có ý nghĩa góp phần thúc đẩy sự sáng tạo, đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả tác phẩm kiến trúc; tạo môi trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh mà còn góp phần rất lớn trong tiến trình hội nhập kinh tế tri thức, tạo ra cơ hội mới cho Việt Nam không ngừng phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Quán Tuấn An (2009), *Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan trong môi trường kỹ thuật số - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
2. ASEAN (2005), *Hiệp định khung ASEAN về hợp tác sở hữu trí tuệ*.
3. Trần Thị Thanh Bình (2005), *Quyền tác giả đối với tác phẩm viết trong pháp luật dân sự Việt Nam- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
4. Bộ Văn hóa Thông tin, Bộ Xây dựng (2003), *Thông tư liên tịch số 04/2003/TTLT-BVHTT-BXD hướng dẫn về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc*, Hà Nội.
5. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Nghị định số 100/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự và Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan*, Hà Nội.
6. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2011), *Nghị định số 85/2011/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật dân sự và Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan*, Hà Nội.
7. Trần Khánh Chương (2009), *Bản quyền tác giả trong lĩnh vực mỹ thuật Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*, <http://www.vietnamfineart.com.vn>
8. Công ước Bern (1971), *Về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật*.
9. Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam (2009), *Báo cáo tổng quan về hoạt động bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam*, Hà Nội.
10. Trần Văn Hải (2012), “Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (4).

11. Lê Hồng Hạnh, Đinh Thị Mai Phương (2004), *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Hoa Kỳ (1990), *Luật bảo vệ bản quyền kiến trúc Hoa Kỳ* (AWCPA).
13. Hoa Kỳ (2003), *Luật bản quyền Hoa Kỳ*.
14. Bùi Nguyên Hùng (2013), “Bảo hộ quyền tác giả trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (10), Hà Nội.
15. Liên hiệp quốc (1971), *Công ước toàn cầu về bản quyền*.
16. Nguyễn Tài My (2011), *Kiến trúc công trình – Tiêu chuẩn quy phạm xây dựng*, Nxb Xây dựng.
17. Lê Đình Nghị, Vũ Thị Hải Yến (Đồng chủ biên) (2012), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
18. Đoàn Thanh Nô (2014), *Thực hiện pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
19. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
20. Quốc hội (1995), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
21. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2005), *Luật sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2009), *Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
25. Phùng Trung Tập (2004), *Các yếu tố của quyền sở hữu trí tuệ*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

26. Hoàng Minh Thái (2001), *Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
27. Hoàng Minh Thái (2006), “Một số quy định về quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả trong Bộ luật dân sự và Luật sở hữu trí tuệ”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (9), Hà Nội.
28. Hoàng Minh Thắng (2002), “Những quy định về bảo hộ quyền tác giả trong Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và thực thi tại Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (5), Hà Nội.
29. Lê Mai Thanh (2005), “Bàn về vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên cơ sở Bộ luật dân sự và Luật sở hữu trí tuệ”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (3), Hà Nội.
30. Nguyễn Ngọc Xuân Thảo (2014), *Luật sở hữu trí tuệ - Ấn lệ, lý thuyết và bài tập vận dụng*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
31. Nguyễn Đức Thiềm (2011), *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, Nxb Xây dựng.
32. Nguyễn Thị Lệ Thu (2012), *Quyền tác giả đối với tác phẩm phái sinh ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
33. Phạm Thị Thương (2007), *Quyền tác giả đối với tác phẩm sân khấu - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
34. Thụy Sỹ (1989), *Luật bản quyền liên bang Thụy Sỹ*.
35. Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) (2005), *Cẩm nang sở hữu trí tuệ*, Hà Nội.
36. Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) (2005), *Sở hữu trí tuệ - Một công cụ đắc lực để phát triển kinh tế*, Hà Nội.
37. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2005), *Bản án sơ thẩm số 787/DSST ngày 24/04/2005*, TP. Hồ Chí Minh.

38. Nguyễn Hợp Toàn, Nguyễn Thị Thanh Thủy, Trần Văn Nam (2012), *Thực trạng giải quyết tranh chấp về quyền tác giả tại Việt Nam giai đoạn 2006-2012 và một số đề xuất tiếp tục hoàn thiện pháp luật và thực thi về quyền sở hữu trí tuệ* Tham luận tại Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học lần thứ IV ngày 26-28/11/2012 tại Hà Nội; Tiểu ban số 7: Pháp luật Việt Nam trong thời đại pháp quyền vì mục tiêu phát triển bền vững, Hà Nội.
39. Nguyễn Thị Triển (2014), “Bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học dân gian”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (11), Hà Nội.
40. Trường Đại học Huế (2011), *Giáo trình pháp luật sở hữu trí tuệ*, Nxb Đại học Huế, Huế.
41. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
42. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Pháp luật Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế và phát triển bền vững*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
43. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Giáo trình Luật sở hữu trí tuệ*, Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
44. Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội (2012), *Giáo trình pháp luật sở hữu trí tuệ*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
45. Trịnh Văn Tú (2012), *Bảo vệ quyền liên quan theo luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
46. Điều Ngọc Tuấn (2004), “Khái quát về quyền tác giả và bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (5), Hà Nội.
47. Phạm Văn Tuyết, Lê Kim Giang (2008), *Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
48. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1994), *Pháp lệnh Bảo hộ quyền tác giả*, Hà Nội.
49. Viện Đại học Mở Hà Nội (2002), *Giáo trình Luật dân sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

50. Viện Đại học Mở Hà Nội (2002), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
51. Viện khoa học pháp lý , Bộ Tư pháp (2005), *Từ điển Luật học* , Nxb Tư pháp, Hà Nội.
52. Viện ngôn ngữ học (2011), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển bách khoa.
53. Việt Nam, Hoa Kỳ (2001), *Hiệp định song phương*.
54. Việt Nam, Hoa Kỳ (2005), *Hiệp định hợp tác khoa học và công nghệ*, (Phần sở hữu trí tuệ).
55. Việt Nam, Nhật Bản (2008), *Hiệp định đối tác kinh tế* (Phần sở hữu trí tuệ).
56. Việt Nam, Thụy Sĩ (2000), *Hiệp định Việt Nam - Thụy Sĩ về bảo hộ sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ*.
57. WTO (1994), *Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS)*.
58. WIPO (1996), *Hiệp ước của WIPO về quyền tác giả*.
59. Vũ Thị Hải Yến (chủ nhiệm đề tài) (2010), “Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế”, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường*, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

II. Tài liệu trang Web

60. <http://ashui.com/mag>.
61. <http://www.cov.gov.vn>.
62. <http://thanhtra.most.gov.vn>.
63. <http://www.thefreedictionary.com>.
64. <http://thongtinphapluatdansu.edu.vn>.
65. <http://truyenthongkhoahoc.vn/vn>.
66. <http://www.vnep.org.vn>.
67. <http://www.vnep.org.vn>.